

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HCMC University of Technology and Education

KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**BÁO CÁO GIỮA KỲ ĐỒ ÁN
LẬP TRÌNH WEB**

**THIẾT KẾ TRANG WEBSITE
BÁN ĐỒNG HỒ**

Nhóm sinh viên thực hiện:

Nguyễn Cước Thiên 18110204

Tu Ngọc Yến Vy 18110243

GVHD: Ths. Nguyễn Hữu Trung

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12 – 2020

ĐIỂM SỐ

TIÊU CHÍ	NỘI DUNG	TRÌNH BÀY	TỔNG
ĐIỂM			

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Giảng viên hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Trung

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH	1
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	3
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO	3
1. Nội dung thực hiện	3
1.1. Lý thuyết.....	3
1.2. Thực hành	3
2. Kế hoạch thực hiện.....	3
CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HÓA YÊU CẦU VÀ THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
1. Nhận diện tác nhân và chức năng trong sơ đồ USE CASE.....	5
2. Sơ đồ USE CASE	5
3. Đặc tả USE CASE	8
3.1. Mô tả các Use case liên quan đến Thông tin tài khoản và Thông tin cá nhân	8
3.2. Mô tả các Use case liên quan đến mua sản phẩm.....	10
3.3. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý người dùng	15
3.4. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý sản phẩm	16
3.5. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý đơn hàng.....	18
3.6. Mô tả các Use case liên quan đến thống kê.....	19
3.7. Mô tả các Use case liên quan đến tra cứu sản phẩm	20
4. Chi tiết các bảng dữ liệu.....	21
□ User:Quản lý thông tin của người dùng	21
5. Sơ đồ quan hệ	24
Chương 3: thiết kế giao diện	25
1. Danh sách các màn hình và sơ đồ chuyển đổi.....	25
2. Mô tả chi tiết.....	25
2.1. Màn hình đăng nhập:	25
2.2. Màn hình đăng ký:.....	26
2.3. Màn hình trang chủ (của người dùng) khi vừa đăng nhập xong	27
2.4. Màn hình trang chủ (của quản trị viên):	29
2.5. Màn hình xem và sửa thông tin của người dùng	30
2.6. Màn hình sửa mật khẩu	31
2.7. Màn hình quản lý sản phẩm (dành cho quản trị viên)	32
2.8. Màn hình thêm sản phẩm (Dành cho quản trị viên)	33
2.9. Màn hình thêm thương hiệu (Dành cho quản trị viên)	34

2.10.	Màn hình chỉnh sửa sản phẩm (Dành cho quản trị viên)	35
2.11.	Màn hình thêm danh sách sản phẩm (Dành cho quản trị viên).....	36
2.12.	Màn hình quản lý user (Dành cho quản trị viên)	37
2.13.	Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận (Dành cho quản trị viên). 38	
2.14.	Màn hình xem đơn hàng đang giao (Dành cho quản trị viên)	38
2.15.	Màn hình xem đơn hàng đã giao (Dành cho quản trị viên)	39
2.16.	Màn hình xem đơn hàng đã hủy (Dành cho quản trị viên)	39
2.17.	Màn hình xem giỏ hàng (Dành cho người dùng).....	40
2.18.	Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận (Dành cho người dùng)... 40	
2.19.	Màn hình xem đơn hàng đang giao (Dành cho người dùng)	41
2.20.	Màn hình xem đơn hàng đã giao (Dành cho người dùng)	42
2.21.	Màn hình xem đơn hàng đã hủy (Dành cho người dùng)	42
2.22.	Màn hình đánh giá đơn hàng (Dành cho người dùng)	43
2.23.	Màn hình thanh toán sản phẩm (Dành cho người dùng).....	44
2.24.	Màn hình chỉnh sửa địa chỉ nhận hàng (Dành cho người dùng).....	44
2.25.	Màn hình thêm địa chỉ nhận hàng (Dành cho người dùng)	45
2.26.	Màn hình xem chi tiết sản phẩm	45
2.27.	Màn hình quên mật khẩu.....	46
2.28.	Màn hình đổi mật khẩu	47
tài liệu tham khảo		48

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Use Case chung của hệ thống.....	5
Hình 2. Use Case quản lý người dùng.....	6
Hình 3. Use Case quản lý sản phẩm.....	6
Hình 3. Use Case quản lý đơn hàng	6
Hình 4. Use Case thống kê	7
Hình 5. Use Case quản lý thông tin cá nhân	7
Hình 6. Use Case thay đổi thông tin tài khoản.....	7
Hình 7. Use Case xem và mua hàng.....	8
Hình 8. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến thông tin người dùng.....	10
Hình 9. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến mua sản phẩm của người dùng.....	14
Hình 10. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý người dùng	16
Hình 11. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý sản phẩm.....	18
Hình 12. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý đơn hàng.....	19
Hình 13. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến thống kê.....	20
Hình 14. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan tra cứu sản phẩm	20
Hình 15. Sơ đồ quan hệ	24
Hình 15. Danh sách các màn hình và sơ đồ chuyển đổi.....	25
Hình 17. Màn hình đăng nhập	25
Hình 18.1. Màn hình đăng ký	26
Hình 18.2. Màn hình đăng ký	26
Hình 19.1. Màn hình trang chủ của người dùng.....	27
Hình 19.1. Màn hình trang chủ của người dùng.....	28
Hình 20.1. Màn hình trang chủ của quản trị viên.....	29
Hình 20.2. Màn hình trang chủ của quản trị viên.....	29
Hình 21. Màn hình xem thông tin người dùng.....	31
Hình 22. Màn hình sửa mật khẩu	32
Hình 23. Màn hình quản lý sản phẩm.....	32
Hình 24.1. Màn hình thêm sản phẩm	33
Hình 24.2. Màn hình thêm sản phẩm	34
Hình 25. Màn hình thêm thương hiệu	35
Hình 26.1. Màn hình chỉnh sửa sản phẩm.....	35
Hình 26.2. Màn hình chỉnh sửa sản phẩm	36
Hình 27. Màn hình thêm danh sách sản phẩm	37

Hình 28. Màn hình quản lý users.....	37
Hình 29. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(admin)	38
Hình 30. Màn hình xem đơn hàng đang giao(admin)	38
Hình 31. Màn hình xem đơn hàng đã giao(admin)	39
Hình 32. Màn hình xem đơn hàng đã hủy(admin)	39
Hình 33. Màn hình xem giỏ hàng(user).....	40
Hình 34. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(user)	41
Hình 35. Màn hình xem đơn hàng đang giao(user).....	41
Hình 36. Màn hình xem đơn hàng đã giao(user).....	42
Hình 37. Màn hình xem đơn hàng đã hủy(user).....	43
Hình 38. Màn hình đánh giá sản phẩm.....	43
Hình 39. Màn hình thanh toán.....	44
Hình 40. Màn hình sửa địa chỉ nhận hàng.....	44
Hình 41. Màn hình thêm địa chỉ nhận hàng	45
Hình 42. Màn hình xem chi tiết sản phẩm.....	46
Hình 43. Màn hình quên mật khẩu	46
Hình 44. Màn hình đổi mật khẩu.....	47

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Kế hoạch thực hiện.....	3
Bảng 2. Tác nhân và chức năng.....	5
Bảng 3. Bảng mô tả Use Case đăng ký tài khoản.....	8
Bảng 4. Bảng mô tả Use Case Đăng nhập/ đăng xuất.....	9
Bảng 5. Bảng mô tả Use Case xem thông tin cá nhân.....	9
Bảng 6. Bảng mô tả Use Case chỉnh sửa thông tin cá nhân	9
Bảng 7. Bảng mô tả Use Case Cập nhập mật khẩu	10
Bảng 8. Bảng mô tả Use Case thêm vào giỏ hàng	10
Bảng 9. Bảng mô tả Use Case Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng	11
Bảng 10. Bảng mô tả Use Case Chỉnh sửa sản phẩm.....	11
Bảng 11. Bảng mô tả Use Case Thanh toán đơn hàng	12
Bảng 12. Bảng mô tả Use Case Xem tiến trình giỏ hàng.....	13
Bảng 13. Bảng mô tả Use Case xem chi tiết đơn hàng	13
Bảng 14. Bảng mô tả Use Case đánh giá đơn hàng.....	14
Bảng 15. Bảng mô tả Use Case Xem người dùng.....	15
Bảng 16. Bảng mô tả Use Case Xóa người dùng	15
Bảng 17. Bảng mô tả Use Case Xem sản phẩm	16
Bảng 18. Bảng mô tả Use Case Xóa sản phẩm	16
Bảng 19. Bảng mô tả Use Case chỉnh sửa sản phẩm.....	17
Bảng 20. Bảng mô tả Use Case thêm sản phẩm.....	17
Bảng 21. Bảng mô tả xem đơn hàng	18
Bảng 22. Bảng mô tả chấp nhận và hủy đơn hàng	18
Bảng 23. Bảng mô tả thống kê	19
Bảng 24. Bảng mô tả tra cứu sản phẩm.....	20
Bảng 25. Chi tiết bảng User	21
Bảng 26. Chi tiết bảng Products	21
Bảng 27. Chi tiết bảng Brand	21
Bảng 28. Chi tiết bảng Orders	22
Bảng 29. Chi tiết bảng OrderDetail.....	22
Bảng 30. Chi tiết bảng DeliveryAddress.....	22
Bảng 31. Chi tiết bảng FeedBack	23
Bảng 32. Chi tiết bảng Province.....	23
Bảng 33. Chi tiết bảng Distric	23

Bảng 34. Chi tiết bảng Ward	23
Bảng 35. Bảng mô tả màn hình đăng nhập.....	26
Bảng 36. Bảng mô tả màn hình đăng ký	27
Bảng 37. Bảng mô tả màn hình trang chủ của người dùng	28
Bảng 38. Bảng mô tả màn hình trang chủ của quản trị viên	30
Bảng 39. Bảng mô tả màn hình xem và sửa thông tin người dùng	31
Bảng 40. Bảng mô tả màn hình sửa mật khẩu.....	32
Bảng 41. Bảng mô tả màn hình quản lý sản phẩm.....	33
Bảng 42. Bảng mô tả màn hình thêm sản phẩm.....	34
Bảng 43. Bảng mô tả màn hình thêm thương hiệu.....	35
Bảng 44. Bảng mô tả màn hình chỉnh sửa.....	36
Bảng 45. Bảng mô tả màn hình thêm danh sách sản phẩm.....	37
Bảng 46. Bảng mô tả màn hình quản lý users	37
Bảng 47. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(admin).....	38
Bảng 48. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang giao(admin).....	39
Bảng 49. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã giao(admin).....	39
Bảng 50. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã hủy(admin).....	40
Bảng 51. Bảng mô tả màn hình xem giỏ hàng(user)	40
Bảng 52. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(user).....	41
Bảng 53. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang giao(user)	42
Bảng 54. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã giao(user)	42
Bảng 55. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã hủy(user)	43
Bảng 56. Bảng mô tả màn hình đánh giá sản phẩm	43
Bảng 57. Bảng mô tả màn hình thanh toán	44
Bảng 58. Bảng mô tả màn hình sửa địa chỉ nhận hàng	45
Bảng 59. Bảng mô tả màn hình thêm địa chỉ nhận hàng.....	45
Bảng 60. Bảng mô tả màn hình xem chi tiết sản phẩm	46
Bảng 61. Bảng mô tả màn hình quên mật khẩu.....	47
Bảng 62. Bảng mô tả màn hình đổi mật khẩu	47

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

1. Nội dung thực hiện

1.1. Lý thuyết

- C#, Entity Framework trong .NET Framework, mô hình MVC (Model-View-Controller), Asp.net
- Cách xây dựng trang Web: Html, Css, JavaScript, Bootstrap...
- SQL Server

1.2. Thực hành

- Xây dựng chương trình trên C# sử dụng Entity Framework trong .NET Framework theo hướng tiếp cận Database-first và sử dụng mô hình MVC (Model-View-Controller).
- Sử dụng ứng dụng phần mềm SSMS (SQL Server Management Studio) để xây dựng database.
- Sử dụng asp.net để thiết kế giao diện người dùng.

2. Kế hoạch thực hiện

Bảng 1. Kế hoạch thực hiện

STT	Thời gian	Công việc	Phân công
1	28/09/2020 đến 05/10/2020	<ul style="list-style-type: none">• Phân tích đề tài-Xác định yêu cầu của đề tài-Xác định các chức năng của Web-Phân tích dữ liệu đầu vào, đầu ra-Xác định công cụ, phần mềm phục vụ• Xây dựng kế hoạch thực hiện	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy
2	06/10/2020 đến 19/10/2020	-Tìm hiểu về ASP.Net MVC và các vấn đề liên quan(Html, Css, Bootstrap, JavaScript, MVC...)	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy
3	20/10/2020- 02/11/2020	-Thiết kế database -Nhập dữ liệu cho database	Tu Ngọc Yến Vy Nguyễn Cước Thiên
4	3/11/2020- 17/11/2020	-Thiết kế giao diện các trang web chính(html,css..) -Viết 1 số chức năng cơ bản (đăng xuất, đăng nhập, đăng ký, quên mật khẩu...) -Hoàn thiện database	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy

5	17/11/2020- 30/11/2020	-Viết các chức năng chính cho web(trang giao diện người dùng, giao diện admin, xử lý giỏ hàng và đơn hàng...)	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy
6	1/12/2020- 14/12/2020	-Viết thêm một số chức năng phụ hỗ trợ (xử lý sản phẩm, thông kê, import & export file excel, footer trang web ...) -Chỉnh sửa giao diện trang web	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy
7	15/12/2020- 27/12/2020	-Tiến hành kiểm thử, chỉnh sửa hoàn thiện trang web -Bắt đầu viết báo cáo	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy
8	28/12/2020- 03/01/2020	-Hoàn thành trang web -Hoàn thiện bài báo cáo	Nguyễn Cước Thiên Tu Ngọc Yến Vy

CHƯƠNG 2: MÔ HÌNH HÓA YÊU CẦU VÀ THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Nhận diện tác nhân và chức năng trong sơ đồ USE CASE

Bảng 2. Tác nhân và chức năng

STT	Tác nhân	Chức năng
1	Quản trị viên (Chủ cửa hàng)	Quản lý người dùng (thông tin, tài khoản...) Quản lý sản phẩm (Thông tin, chỉnh sửa...) Quản lý đơn hàng (Sản phẩm, người mua, trạng thái...) Thống kê
2	Người dùng (khách hàng)	Quản lý thông tin cá nhân Thay đổi thông tin tài khoản Đăng nhập, đăng xuất Xem và mua hàng
3	Khách	Đăng ký tài khoản Xem sản phẩm

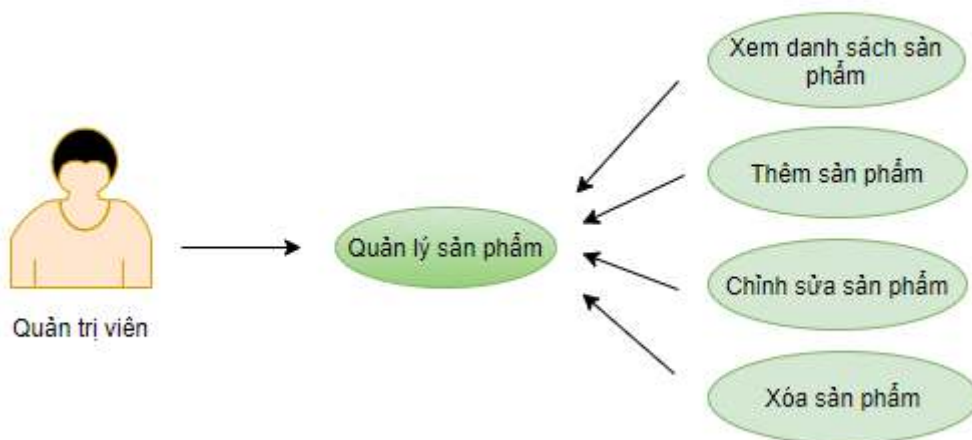
2. Sơ đồ USE CASE



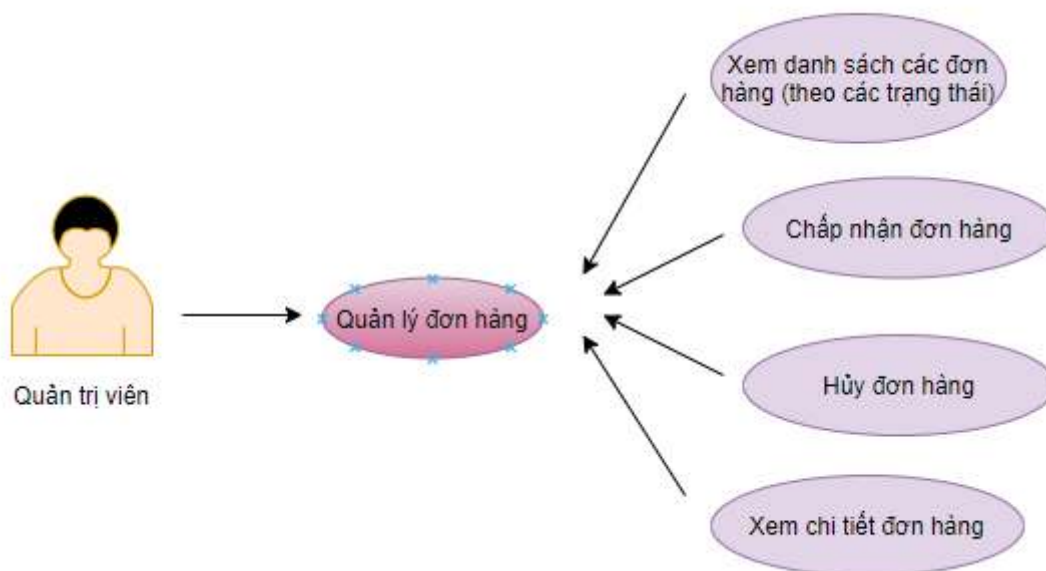
Hình 1. Use Case chung của hệ thống



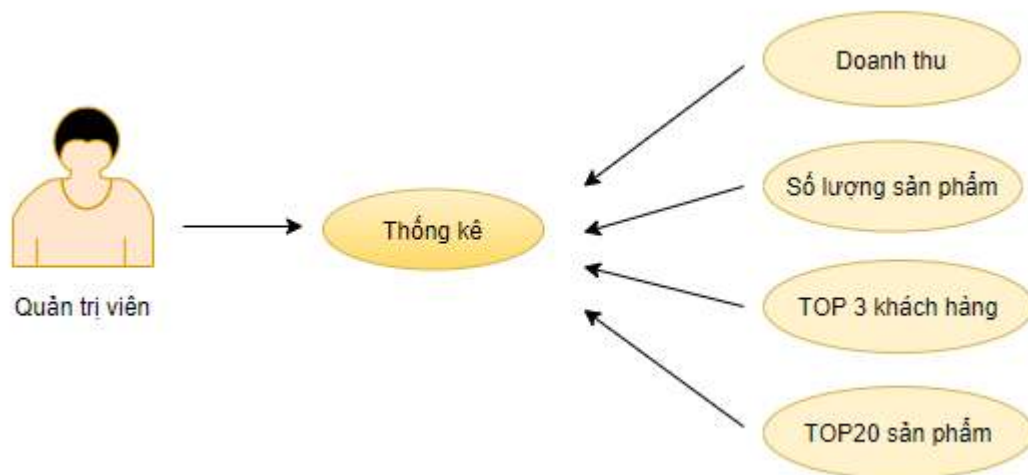
Hình 2. Use Case quản lý người dùng



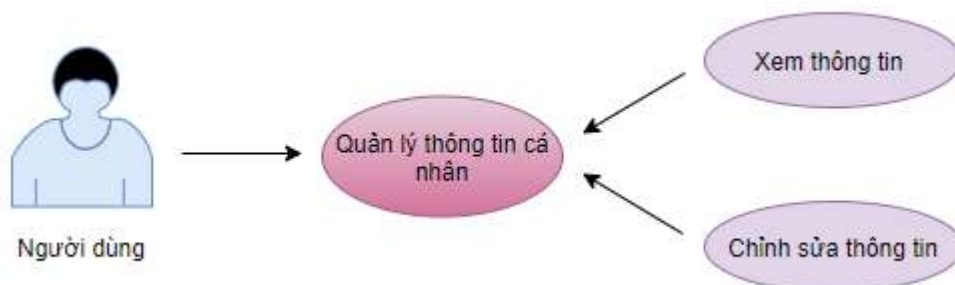
Hình 3. Use Case quản lý sản phẩm



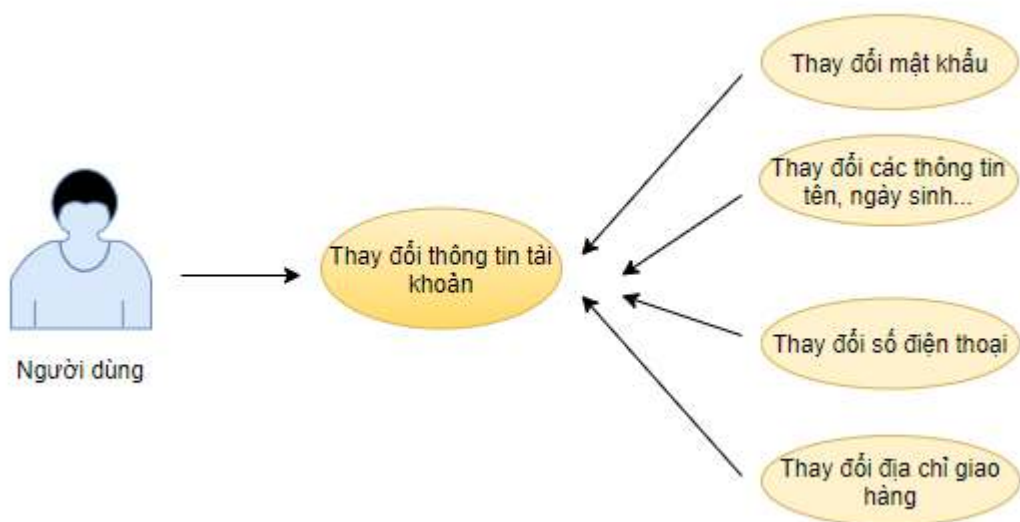
Hình 3. Use Case quản lý đơn hàng



Hình 4. Use Case thống kê



Hình 5. Use Case quản lý thông tin cá nhân



Hình 6. Use Case thay đổi thông tin tài khoản



Hình 7. Use Case xem và mua hàng

3. Đặc tả USE CASE

3.1. Mô tả các Use case liên quan đến Thông tin tài khoản và Thông tin cá nhân

Bảng 3. Bảng mô tả Use Case đăng ký tài khoản

Mô tả	Dành cho người dùng chưa có tài khoản muốn đăng nhập vào hệ thống, hoặc muốn mua sản phẩm
Tác nhân kích hoạt	Nút kỳ ai chưa có tài khoản
Tiền điều kiện	Phải có gmail và số điện thoại
Các bước thực hiện	<ol style="list-style-type: none"> (1). Người dùng mở trang web (2). Nhấn vào “Đăng ký” (3). Chuyển đến hiển thị trang đăng ký và người dùng nhập các thông tin cần thiết (4). Sau đó nhấn nút “Register” để hoàn tất việc đăng ký (5). Nếu người dùng không muốn đăng ký tài khoản hoặc tạm thời chưa đăng ký được có thể nhấn nút “Back” để quay lại trang chủ và tiếp tục mua sản phẩm

Bảng 4. Bảng mô tả Use Case Đăng nhập/ đăng xuất

Mô tả	Dành cho người dùng, quản trị viên đăng nhập vào trang web hoặc đăng xuất khỏi trang web
Tác nhân kích hoạt	Người dùng, quản trị viên
Tiền điều kiện	Phải biết tên đăng nhập và mật khẩu của tài khoản
Các bước thực hiện	<p>(1).Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Nhấn vào “Đăng nhập”</p> <p>(3). Chuyển đến hiển thị trang đăng nhập và người dùng nhập tên đăng nhập và password</p> <p>(4). Sau đó nhấn nút “Login” để đăng nhập</p> <p>(5). Nếu thành công sẽ hiển thị thông báo thành công và chuyển tới trang chủ. Nếu nhập sai thì sẽ báo lỗi và người dùng hoặc quản trị viên nhập lại thông tin đăng nhập</p> <p>(6). Nếu người dùng muốn đăng xuất khỏi tài khoản thì bấm “Đăng xuất”</p>

Bảng 5. Bảng mô tả Use Case xem thông tin cá nhân

Mô tả	Dành cho người dùng hoặc quản trị viên xem thông tin của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng, quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Tại góc phải màn hình, người dùng, quản trị viên nhấn vào tên của mình sau đó chọn “Tài khoản của tôi”</p> <p>(3). Chuyển đến hiển thị trang thông tin cá nhân mà người dùng đã cung cấp khi đăng ký tài khoản</p>

Bảng 6. Bảng mô tả Use Case chỉnh sửa thông tin cá nhân

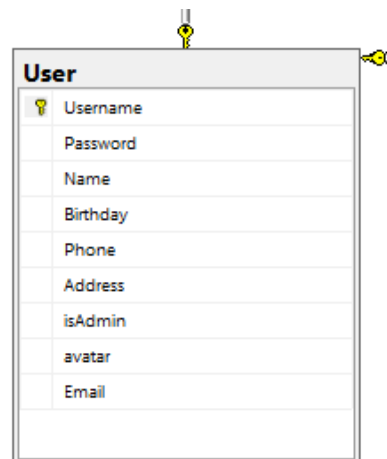
Mô tả	Dành cho người dùng hoặc quản trị viên muốn chỉnh sửa thông tin của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng, quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1).Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Tại góc phải màn hình, người dùng, quản trị viên nhấn vào tên của mình sau đó chọn “Tài khoản của tôi”</p> <p>(3). Chuyển đến hiển thị trang thông tin cá nhân mà người dùng đã cung cấp khi đăng ký tài khoản</p> <p>(4). Người dùng có thể chỉnh sửa thông tin cá nhân trừ tên đăng nhập</p> <p>(5). Sau đó người dùng bấm nút lưu</p>

	<p>(6). Màn hình sẽ hiện 1 prompt để người dùng, quản trị viên xác nhận mật khẩu của mình</p> <p>(7). Người dùng nhập mật khẩu sau đó nhấp “OK” để xác nhận đổi thông tin hoặc nhấp “Cancel” để hủy</p>
--	---

Bảng 7. Bảng mô tả Use Case Cập nhập mật khẩu

Mô tả	Dành cho người dùng hoặc quản trị viên muốn chỉnh sửa mật khẩu của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng, quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Tại góc phải màn hình, người dùng, quản trị viên nhấn vào tên của mình sau đó chọn “Tài khoản của tôi”</p> <p>(3). Chuyển đến hiển thị trang thông tin cá nhân mà người dùng đã cung cấp khi đăng ký tài khoản</p> <p>(4). Người dùng nhấn vào “Đổi mật khẩu”</p> <p>(5). Chuyển người dùng đến trang thay đổi mật khẩu, yêu cầu người dùng nhập mật khẩu hiện tại và nhập khẩu mới, xác nhận mật khẩu mới.</p> <p>(6). Tiếp theo sau khi đã nhập xong, người dùng nhấn nút “Xác nhận”, nếu nhập đúng thì mật khẩu sẽ được cập</p>

Cơ sở dữ liệu tương tác:



Hình 8. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến thông tin người dùng

3.2. Mô tả các Use case liên quan đến mua sản phẩm

Bảng 8. Bảng mô tả Use Case thêm vào giỏ hàng

Mô tả	Dành cho người dùng muốn thêm sản phẩm vào giỏ hàng của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng

Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web, Sản phẩm còn hàng
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Sau khi chọn được sản phẩm muốn mua người dùng nhấn vào biểu tượng “giỏ hàng” của sản phẩm mình muốn thêm ở giao diện trang chủ.</p> <p>Hoặc người dùng có thể nhấp vào “tên sản phẩm” để xem chi tiết của sản phẩm, và nhấn vào biểu tượng “giỏ hàng” ở trang chi tiết sản phẩm để thêm sản phẩm đó vào giỏ hàng.</p> <p>(3). Sau khi sản phẩm được thêm vào giỏ hàng người dùng có thể nhấp vào "Giỏ hàng" trên thanh menu để xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng. Tiếp theo có thể nhấp vào xem giỏ hàng để xem chi tiết các sản phẩm có trong giỏ hàng mình (tên, số lượng, đơn giá...)</p>

Bảng 9. Bảng mô tả Use Case Xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng

Mô tả	Dành cho người dùng muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web, giỏ hàng có sản phẩm
Các bước thực hiện	<p>(1) Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Người dùng nhấp vào "Giỏ hàng" trên thanh menu để xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng. Tiếp theo có thể nhấp vào xem giỏ hàng để xem chi tiết các sản phẩm có trong giỏ hàng mình (tên, số lượng, đơn giá...)</p> <p>(3). Trong trang giỏ hàng người dùng nhấp vào "Xóa" để xóa các sản phẩm mình không muốn mua nữa, sau đó sẽ có 1 thông báo xác nhận lại người dùng có muốn xóa sản phẩm hay không. Nếu xác nhận xóa người dùng nhấp "OK" muốn hủy thao tác thì nhấp "Cancel"</p>

Bảng 10. Bảng mô tả Use Case Chỉnh sửa sản phẩm

Mô tả	Dành cho người dùng muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web, giỏ hàng có sản phẩm
Các bước thực hiện	<p>(1).Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Người dùng nhấp vào "Giỏ hàng" trên thanh menu để xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng. Tiếp theo có thể nhấp vào xem giỏ hàng để xem chi tiết các sản phẩm có trong giỏ hàng mình (tên, số lượng, đơn giá...)</p>

	<p>(3). Trong trang giỏ hàng người dùng muốn thay đổi số lượng của sản phẩm nào thì nhấp vào số lượng của sản phẩm đó và thay đổi (không được lớn hơn số lượng còn lại của sản phẩm).</p> <p>(4). Sau khi xác định chắc chắn số lượng sẽ mua, người dùng nhấn vào "Cập nhật" để cập nhật lại giỏ hàng</p>
--	---

Bảng 11. Bảng mô tả Use Case Thanh toán đơn hàng

Mô tả	Dành cho người dùng muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web, giỏ hàng có sản phẩm
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Người dùng nhấp vào "Giỏ hàng" trên thanh menu để xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng. Tiếp theo có thể nhấp vào xem giỏ hàng để xem chi tiết các sản phẩm có trong giỏ hàng mình (tên, số lượng, đơn giá...)</p> <p>(3). Trong trang giỏ hàng người dùng nhấn vào "Thanh toán" để thanh toán các sản phẩm trong giỏ hàng</p> <p>(4). Tiếp theo sẽ chuyển người dùng đến trang thanh toán. Tại đây người dùng có thể thay đổi thông tin giao hàng của mình tại "Sửa"</p> <p>(5). Sau khi ấn sửa sẽ chuyển người dùng đến trang chỉnh sửa địa chỉ giao hàng. Tại đây người dùng có thể chọn 1 trong các địa chỉ có sẵn (là những địa chỉ trước đó người dùng đã sử dụng để mua hàng). Hoặc người dùng có thể thêm mới địa chỉ giao hàng bằng cách nhấn vào "Thêm địa chỉ" để thêm địa chỉ mình muốn nhận hàng. Tại đây người dùng nhập các thông tin để nhận hàng và sau khi nhập xong người dùng nhấn "Hoàn thành" để hoàn tất việc thêm địa chỉ hoặc nhấn vào "Trở lại" để hủy thao tác thêm địa chỉ.</p> <p>(6). Bên cạnh thêm địa chỉ người dùng có thể xóa hoặc sửa các địa chỉ có sẵn bằng cách nhấn vào "Thiết lập địa chỉ". Tại đây sẽ chuyển người dùng tới trang thiết lập, người dùng muốn sửa địa chỉ nào thì nhấn "Sửa" tại địa chỉ đó sau đó tiến hành chỉnh sửa thông tin và nhấn "Hoàn thành" để hoàn tất việc sửa địa chỉ hoặc nhấn "Trở lại" để hủy thao tác. Còn người dùng muốn xóa thông tin nào thì nhấn "Xóa" ngay tại địa chỉ đó, và sẽ hiện thông báo xác nhận việc xóa một lần nữa nếu người dùng muốn xóa thì nhấn "OK" muốn hủy thì "Cancel"</p> <p>(7). Sau khi thực hiện các việc để thay đổi địa chỉ giao hàng người dùng nhấn "Hoàn thành" để thay đổi địa chỉ hoặc nhấn "Trở lại" để quay lại trang thanh toán mà vẫn sử dụng địa chỉ trước đó</p> <p>(8). Cuối cùng sau khi xác nhận sẽ mua hàng thì người dùng nhấn "Thanh toán" hoặc quay lại giỏ hàng để hủy việc thanh toán</p>

Bảng 12. Bảng mô tả Use Case Xem tiến trình giỏ hàng

Mô tả	Dành cho người dùng muốn xóa sản phẩm trong giỏ hàng của mình
Tác nhân kích hoạt	Người dùng
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Người dùng nhấp vào "Giỏ hàng" trên thanh menu để xem các sản phẩm mình đã thêm vào giỏ hàng. Tiếp theo có thể nhấp vào xem giỏ hàng để xem chi tiết các sản phẩm có trong giỏ hàng mình (tên, số lượng, đơn giá...)</p> <p>(3). Trong trang giỏ hàng sẽ có các thanh trạng thái, người dùng muốn xem trạng thái nào thì nhấn vào đó, gồm có: Giỏ hàng, chờ xác nhận, đang giao, hoàn thành và đã hủy</p> <p>(4). Trong trạng thái "Giỏ hàng" người dùng có thể cập nhật giỏ hàng, xóa 1 sản phẩm nào đó hoặc xóa toàn bộ giỏ hàng và thanh toán giỏ hàng</p> <p>(5). Trong trạng thái "Chờ xác nhận" người dùng có thể hủy đơn hàng nếu đổi ý không muốn mua sản phẩm đó nữa. Thì đơn hàng đó cũng sẽ chuyển sang trạng thái đã hủy trong người quản lý</p> <p>(6). Trạng thái "Đang giao", tức người bán đã chấp nhận đơn hàng và đang vận chuyển đơn hàng, trong trạng thái này người mua không được hủy đơn hàng. Nếu người mua đã nhận đơn hàng thì nhấn vào đã nhận để hoàn thành đơn hàng</p> <p>(7). Trạng thái "Hoàn thành", người dùng xem các đơn hàng mình đã mua. Trong trạng thái "Đã hủy" người dùng xem lại các đơn hàng mà mình đã hủy.</p>

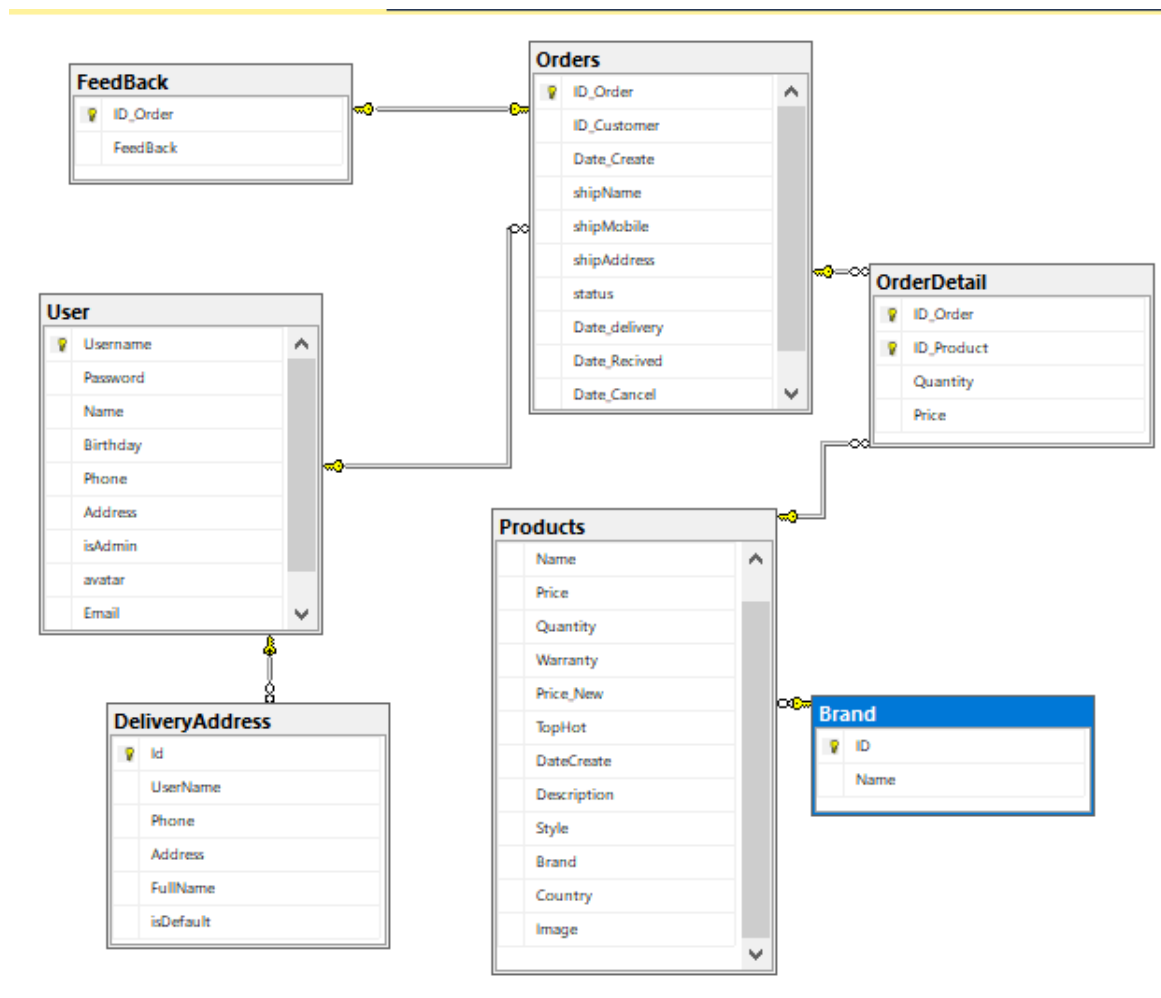
Bảng 13. Bảng mô tả Use Case xem chi tiết đơn hàng

Mô tả	Dành cho người dùng và quản trị viên xem chi tiết 1 đơn hàng nào đó
Tác nhân kích hoạt	Người dùng, quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng, quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Nhấn vào biểu tượng "Giỏ hàng" trên thanh menu, sau đó nhấn vào "Xem giỏ hàng" để vào trang giỏ hàng</p> <p>(3). Tại trang này người dùng hoặc quản trị viên có thể xem chi tiết của bất kỳ đơn hàng, của bất kỳ trạng thái nào bằng cách nhấn vào "Xem chi tiết"</p> <p>(4). Trang xem chi tiết đơn hàng gồm các thông tin: thông tin người nhận, thông tin về trạng thái đơn hàng, thông tin về sản phẩm mua, giá tiền..</p>

Bảng 14. Bảng mô tả Use Case đánh giá đơn hàng

Mô tả	Dành cho người dùng muốn đánh giá sau khi mua hàng xong
Tác nhân kích hoạt	Người dùng
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Người dùng mở trang web</p> <p>(2). Bấm vào tên của mình bên trên góc phải, sau đó nhấn "Đơn mua"</p> <p>(3). Tại trang giỏ hàng nhấn trạng thái "Đã giao", tại đây người dùng có thể đánh giá bất kỳ đơn hàng nào mình đã mua (chỉ được đánh giá 1 lần) bằng cách nhấn vào đánh giá</p> <p>(4). Cửa sổ đánh giá hiện lên, người dùng nhập nội dung đánh giá vào và nhấn "Đánh giá" để hoàn thành việc đánh giá hoặc "Trở lại" để hủy đánh giá</p>

Cơ sở dữ liệu tương tác:



Hình 9. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến mua sản phẩm của người dùng

3.3. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý người dùng

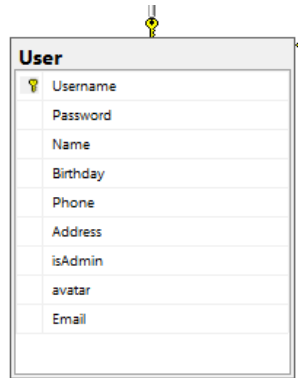
Bảng 15. Bảng mô tả Use Case Xem người dùng

Mô tả	Dành cho quản trị viên quản lý người dùng của trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	(1). Quản trị viên mở trang web (2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý User" (3). Tại trang quản lý Users người quản lý sẽ xem được danh sách người dùng hiện có của mình và danh sách những quản trị viên của cửa hàng

Bảng 16. Bảng mô tả Use Case Xóa người dùng

Mô tả	Dành cho quản trị viên quản lý người dùng của trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	(1). Quản trị viên mở trang web (2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý User" (3). Tại trang quản lý Users người quản lý sẽ xem được danh sách người dùng hiện có của mình và danh sách những quản trị viên của cửa hàng (4). Tại đây người quản trị viên có thể xóa bất kỳ người dùng nào mình muốn xóa (dùng để chặn các khách hàng có hành vi gian lận hoặc đặt hàng không nhận). Người quản trị viên muốn xóa thì nhấn vào "Xóa" của người dùng đó, sau đó sẽ có 1 thông báo xác nhận lại người quản trị viên có muốn xóa hay không. Nếu chắc chắn việc xóa quản trị viên sẽ nhấn "OK", muốn hủy thao tác thì nhấn "Cancel" (5). Ngoài ra người quản trị viên có thể xóa tài khoản của 1 trong bất kỳ quản trị viên nào (trừ tài khoản của chính mình), dùng trong trường hợp người quản trị đó đã nghỉ làm tại cửa hàng. Cũng tương tự như xóa người dùng, Người quản trị viên muốn xóa thì nhấn vào "Xóa" của người đó, sau đó sẽ có 1 thông báo xác nhận lại người quản trị viên có muốn xóa hay không. Nếu chắc chắn việc xóa quản trị viên sẽ nhấn "OK", muốn hủy thao tác thì nhấn "Cancel".

Cơ sở dữ liệu tương tác:



Hình 10. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý người dùng

3.4. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý sản phẩm

Bảng 17. Bảng mô tả Use Case Xem sản phẩm

Mô tả	Dành cho quản trị viên quản lý sản phẩm của trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý sản phẩm"</p> <p>(3). Tại trang quản lý sản phẩm người quản lý sẽ xem được danh sách sản phẩm hiện có của mình</p>

Bảng 18. Bảng mô tả Use Case Xóa sản phẩm

Mô tả	Dành cho quản trị viên xóa sản phẩm khỏi trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý sản phẩm"</p> <p>(3). Tại trang quản lý sản phẩm người quản lý sẽ xem được danh sách sản phẩm hiện có của mình</p> <p>(4). Tại đây người quản trị viên có thể xóa bất kỳ sản phẩm nào mà cửa hàng không còn kinh doanh nữa. Để xóa quản trị viên nhấn vào biểu tượng "Xóa" của sản phẩm để xóa sản phẩm muốn xóa. Sau khi nhấn sẽ có 1 thông báo để xác nhận lại việc người quản trị có muốn xóa sản phẩm này hay không. Nếu chắc chắn xóa thì vào "OK", còn muốn hủy thì nhấn "Cancel"</p> <p>(5). Ngoài ra để sửa thông tin sản phẩm người quản trị có thể nhấn vào biểu tượng "xóa" trên góc phải của sản phẩm ở trang home</p>

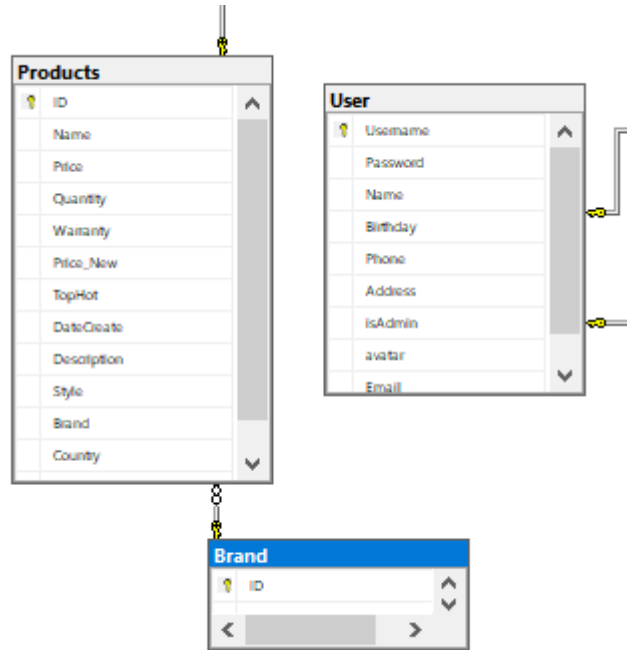
Bảng 19. Bảng mô tả Use Case chỉnh sửa sản phẩm

Mô tả	Dành cho quản trị viên chỉnh sửa sản phẩm khỏi trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý sản phẩm"</p> <p>(3). Tại trang quản lý sản phẩm người quản lý sẽ xem được danh sách sản phẩm hiện có của mình</p> <p>(4). Tại đây người quản trị viên có thể chỉnh sửa thông bất kỳ sản phẩm nào mà có sự thay đổi. Để sửa quản trị viên nhấn vào biểu tượng "Sửa" của sản phẩm để sửa sản phẩm muốn sửa.</p> <p>(5). Chuyển người quản trị đến trang sửa sản phẩm, sau khi nhập các thông tin cần sửa, người quản trị nhấn vào "Sửa" để lưu thông tin thay đổi</p> <p>(6). Ngoài ra để sửa thông tin sản phẩm người quản trị có thể nhấn vào biểu tượng "chỉnh sửa" trên góc phải của sản phẩm ở trang home</p>

Bảng 20. Bảng mô tả Use Case thêm sản phẩm

Mô tả	Dành cho quản trị viên thêm sản phẩm khỏi trang web
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào "Chức năng" và chọn "Quản lý sản phẩm"</p> <p>(3). Tại trang quản lý sản phẩm người quản lý sẽ xem được danh sách sản phẩm hiện có của mình</p> <p>(4). Tại đây người quản trị viên có thể thêm sản phẩm cho trang web của mình bằng cách nhấn vào "Thêm sản phẩm".</p> <p>(5). Chuyển người quản trị đến trang thêm sản phẩm, sau khi nhập các thông tin cần thêm, người quản trị nhấn vào "Thêm" để thêm sản phẩm</p> <p>(6). Ngoài ra nếu người quản trị viên muốn thêm hàng loạt sản phẩm (đã có trong file excel), thì quản trị viên nhấn vào "Import Sản phẩm". Tại trang Import người quản trị nhấn "Choosen" để tải file excel lên. Cuối cùng nhấn nút Submit để hoàn thành việc thêm sản phẩm.</p>

Cơ sở dữ liệu tương tác:



Hình 11. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý sản phẩm

3.5. Mô tả các Use case liên quan đến quản lý đơn hàng

Bảng 21. Bảng mô tả xem đơn hàng

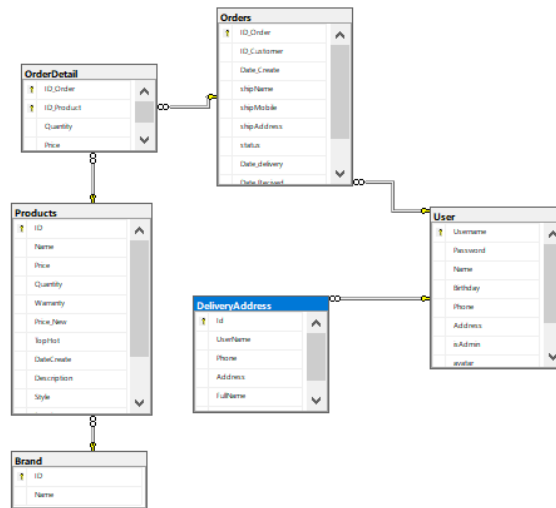
Mô tả	Dành cho quản trị quản lý đơn hàng
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào biểu tượng "Giỏ hàng" trên thanh menu để coi các sản phẩm đang chờ xác nhận. Người quản trị nhấn vào "Xem giỏ hàng" để xem chi tiết các đơn hàng</p> <p>(3). Trong trang giỏ hàng, sẽ có các thanh trạng thái của đơn hàng, gồm: Đang chờ xác nhận, Đang giao, Hoàn thành, Đã hủy. Để quản trị viên xem các trạng thái của đơn hàng</p>

Bảng 22. Bảng mô tả chấp nhận và hủy đơn hàng

Mô tả	Dành cho quản trị xác nhận hoặc hủy đơn hàng
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	(1). Quản trị viên mở trang web

	<p>(2). Quản trị viên nhấp vào biểu tượng "Giỏ hàng" trên thanh menu để coi các sản phẩm đang chờ xác nhận. Người quản trị nhấn vào "Xem giỏ hàng" để xem chi tiết các đơn hàng</p> <p>(3). Trong trang giỏ hàng, người quản trị nhấn vào trạng thái "Chờ xác nhận", tại đây người quản trị có thể chấp nhận đơn hàng hoặc hủy đơn hàng. Để xác nhận đơn hàng người quản trị nhấn vào "Xác nhận" hoặc muốn hủy thì có thể nhấn vào "Xóa"</p>
--	--

Cơ sở dữ liệu tương tác:



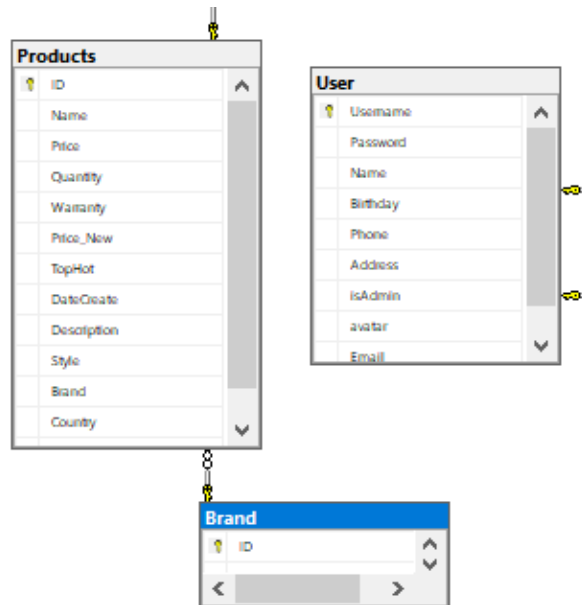
Hình 12. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến quản lý đơn hàng

3.6. Mô tả các Use case liên quan đến thống kê

Bảng 23. Bảng mô tả thống kê

Mô tả	Dành cho quản trị thống kê các thông tin của đơn hàng
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên
Tiền điều kiện	Đã đăng nhập vào trang web
Các bước thực hiện	<p>(1). Quản trị viên mở trang web</p> <p>(2). Quản trị viên nhấp vào "Thống kê" sau đó chọn thông tin muốn xem. Gồm thống kê: Tổng sản phẩm theo từng hãng, tổng doanh thu của cửa hàng, Top 3 khách hàng, Top 20 sản phẩm.</p>

Cơ sở dữ liệu tương tác:



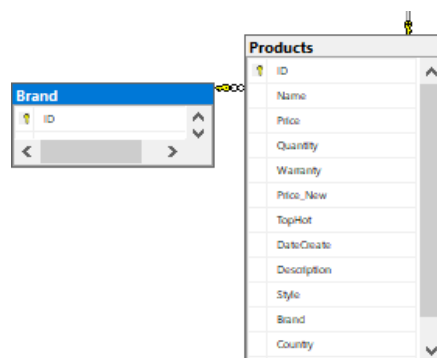
Hình 13. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan đến thống kê

3.7. Mô tả các Use case liên quan đến tra cứu sản phẩm

Bảng 24. Bảng mô tả tra cứu sản phẩm

Mô tả	Dành cho tất cả khách, người dùng, quản trị viên muốn xem 1 sản phẩm nào đó
Tác nhân kích hoạt	Quản trị viên, người dùng, khách
Tiền điều kiện	
Các bước thực hiện	(1). Đầu tiên người xem vào trang web (2). Nhập tên của sản phẩm mình muốn tìm kiếm. Lúc đó trang chủ sẽ hiện tra các sản phẩm tương tự như thông tin người dùng tìm kiếm

Cơ sở dữ liệu tương tác:



Hình 14. Cơ sở dữ liệu tương tác liên quan tra cứu sản phẩm

4. Chi tiết các bảng dữ liệu

➤ **User:** Quản lý thông tin của người dùng

Bảng 25. Chi tiết bảng User

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	Username	nvarchar(50)	Khóa chính	Tên đăng nhập	
2	Password	nvarchar(max)		Mật khẩu	
3	Name	nvarchar(max)		Họ và tên	
4	Birthday	date		Ngày sinh	
5	Phone	nchar(10)		Số điện thoại	
6	Address	nvarchar(max)		Địa chỉ	
7	isAdmin	bit		Quyền	True: Là admin False: Là người dùng
8	avatar	Varbinary(max)		Ảnh đại diện	
9	Email	nvarchar(250)		Email	

➤ **Products:** Chứa thông tin về sản phẩm

Bảng 26. Chi tiết bảng Products

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã sản phẩm	
2	Name	nvarchar(250)		Tên sản phẩm	
3	Price	nvarchar(float)		Giá tiền	
4	Quantity	int		Số lượng sp	
5	Warranty	int		Thời gian bảo hành	
6	Price New	float		Giá KM	
7	TopHot	nvarchar(250)		Số lượng bán ra	Top theo số lượng bán ra nhiều nhất
8	DateCreate	date		Năm sản xuất sp	
9	Description	nvarchar(max)		Mô tả sp	
10	Style	nvarchar(250)		Kiểu sp	Nam/Nữ
11	Brand	nvarchar(50)	Khóa ngoại	Mã thương hiệu	
12	Country	nvarchar(50)		Nước sản xuất	
13	Image	varbinary		Ảnh sản phẩm	

➤ **Brand:** Thông tin thương hiệu

Bảng 27. Chi tiết bảng Brand

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã thương hiệu	
2	Name	nvarchar(250)		Tên thương hiệu	

➤ **Orders:** Thông tin về đơn đặt hàng

Bảng 28. Chi tiết bảng Orders

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID Order	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã đơn hàng	
2	ID Customer	nvarchar(50)	Khóa ngoại	Mã khách hàng	
3	Date Create	datetime		Ngày tạo dh	
4	shipName	nvarchar(max)		Tên người nhận	
5	shipMobile	nchar(10)		số điện thoại nhận hàng	
6	shipAddress	nvarchar(max)		Địa chỉ nhận hàng	
7	status	nvarchar(max)		Trạng thái đơn hàng	Wait, Delivery, Finish, Cancel
8	Date delivery	datetime		Ngày vận chuyển	
9	Date Recived	datetime		Ngày nhận hàng	
10	Date Cancel	datetime		Ngày hủy đơn	

➤ **OrderDetail:** Chi tiết của đơn đặt hàng về sản phẩm và số lượng

Bảng 29. Chi tiết bảng OrderDetail

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID Order	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã đơn hàng	
2	ID Product	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã sản phẩm	
3	Quantity	int		số lượng mua	
4	Price	float		Tổng giá	Tổng của từng sản phẩm

➤ **DeliveryAddress:** Chứa các địa chỉ giao hàng của user

Bảng 30. Chi tiết bảng DeliveryAddress

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	int	Khóa chính	Mã địa chỉ	Tăng tự động
2	UserName	nvarchar(50)	Khóa ngoại	Tên đăng nhập	
3	Phone	nvarchar(10)		Số điện thoại	
4	Address	nvarchar(max)		Địa chỉ	
5	FullName	nvarchar(max)		Họ tên người mua	
6	isDefault	bit		Mặc định	True: đặt là địa chỉ mặc định

- **FeedBack:**Chứa đánh giá của người mua về đơn hàng

Bảng 31. Chi tiết bảng FeedBack

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID Order	nvarchar(50)	Khóa chính	Mã đơn hàng	
2	FeedBack	nvarchar(max)		Phản đánh giá	

- **Province:**Chứa thông tin về các Tỉnh/Thành Phố của Việt Nam

Bảng 32. Chi tiết bảng Province

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	int	Khóa chính	Mã Tỉnh/TP	Tăng tự động
2	Name	nvarchar(250)		Tên Tỉnh/TP	
3	Type	nvarchar(20)		Loại	Tỉnh/Thành Phố

- **District:**Chứa thông tin về các Quận/Huyện của Việt Nam

Bảng 33. Chi tiết bảng Distric

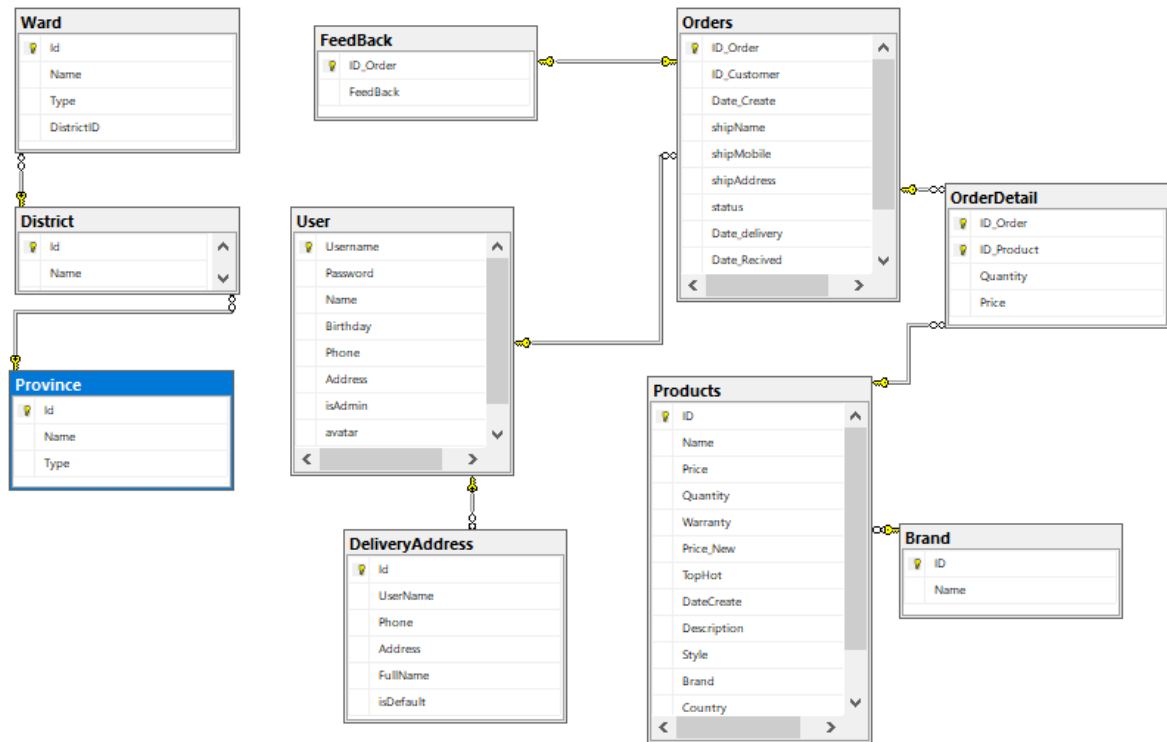
STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	int	Khóa chính	Mã Tỉnh/TP	Tăng tự động
2	Name	nvarchar(250)		Tên Tỉnh/TP	
3	Type	nvarchar(50)		Loại	Quận/Huyện/Thị Xã/Thành Phố
4	ProvinceId	int	Khóa ngoại	Mã Tỉnh/TP	

- **Ward:**Chứa thông tin về các Xã/Phường của Việt Nam

Bảng 34. Chi tiết bảng Ward

STT	Thuộc tính	Kiểu	Miền giá trị	Ý nghĩa	Ghi chú
1	ID	int	Khóa chính	Mã Tỉnh/TP	Tăng tự động
2	Name	nvarchar(50)		Tên Tỉnh/TP	
3	Type	nvarchar(50)		Loại	Xã/Phường/Thị Trấn
4	DistrictID	int	Khóa ngoại	Mã Quận/Huyện	

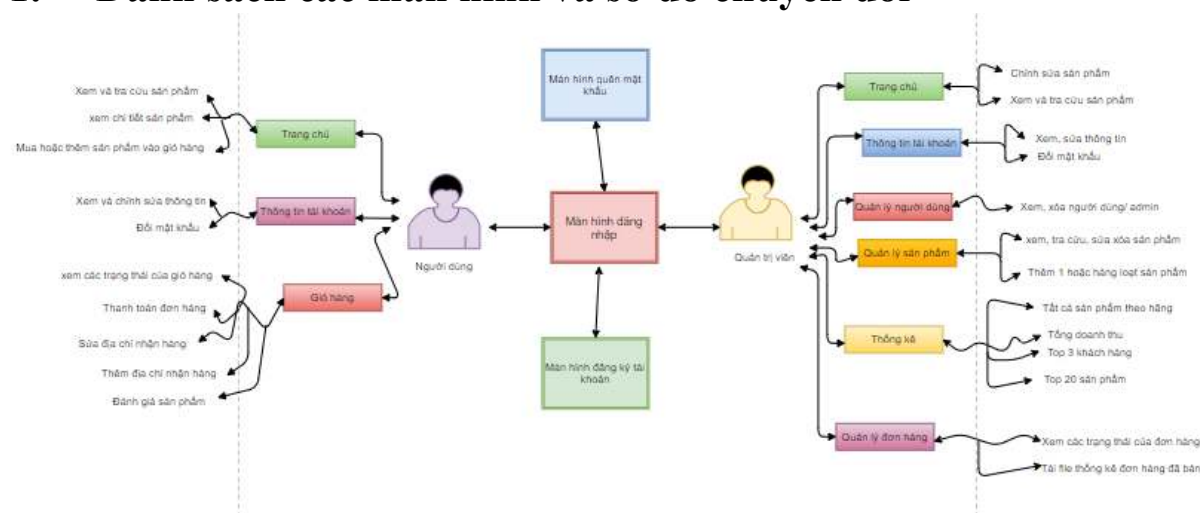
5. Sơ đồ quan hệ



Hình 15. Sơ đồ quan hệ

CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ GIAO DIỆN

1. Danh sách các màn hình và sơ đồ chuyển đổi



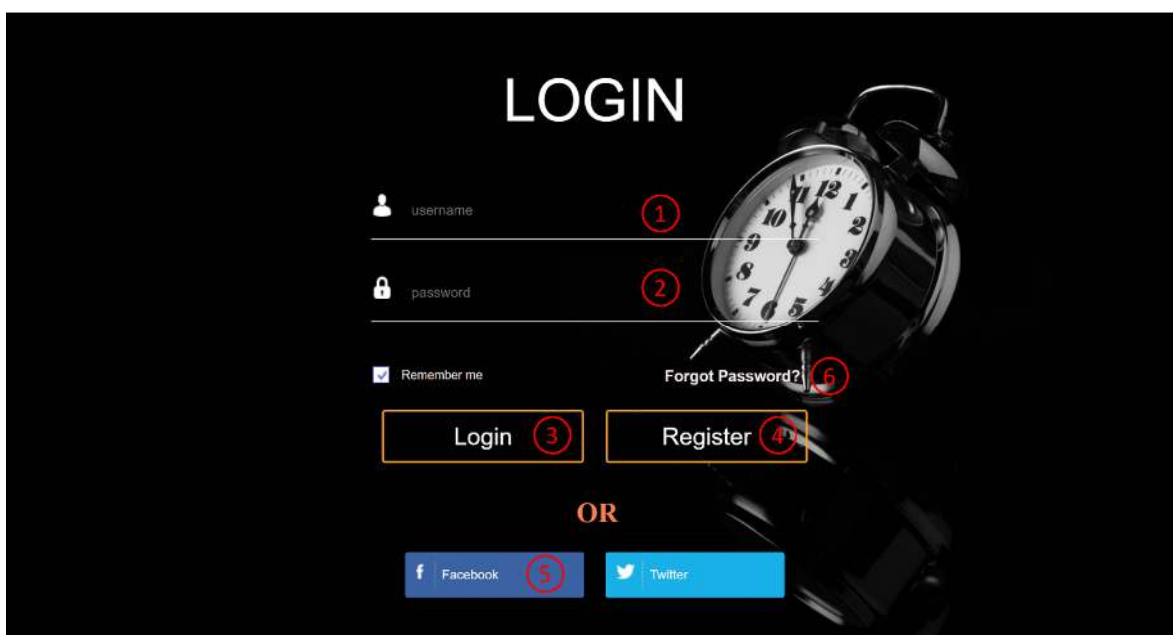
Hình 15. Danh sách các màn hình và sơ đồ chuyển đổi

2. Mô tả chi tiết

2.1. Màn hình đăng nhập:

Ý nghĩa: Cho phép người dùng hoặc quản trị viên đăng nhập vào hệ thống.

Chi tiết màn hình:



Hình 17. Màn hình đăng nhập

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 35. Bảng mô tả màn hình đăng nhập

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>:Text	Nhập tên đăng nhập của tài khoản
2	<input>:Text	Nhập mật khẩu của tài khoản
3	<button>	Đăng nhập vào hệ thống
4	<a>	Mở cửa sổ đăng ký tài khoản
5	<a>	Đăng nhập bằng tài khoản Facebook
6	<a>	Mở cửa sổ quên mật khẩu

Sơ đồ biên cố:



2.2. Màn hình đăng ký:

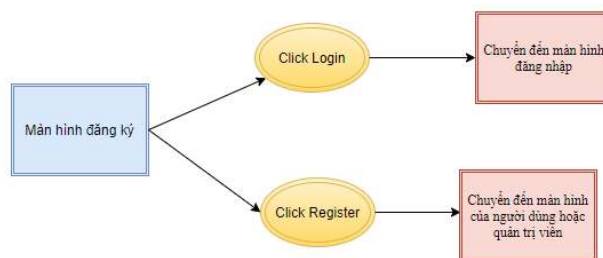
Ý nghĩa: Cho phép người dùng mới chưa có tài khoản đăng ký tài khoản để sử dụng đầy đủ các chức năng trong hệ thống.

Chi tiết màn hình:

Hình 18.1. Màn hình đăng ký

Hình 18.2. Màn hình đăng ký

Sơ đồ biến cố:



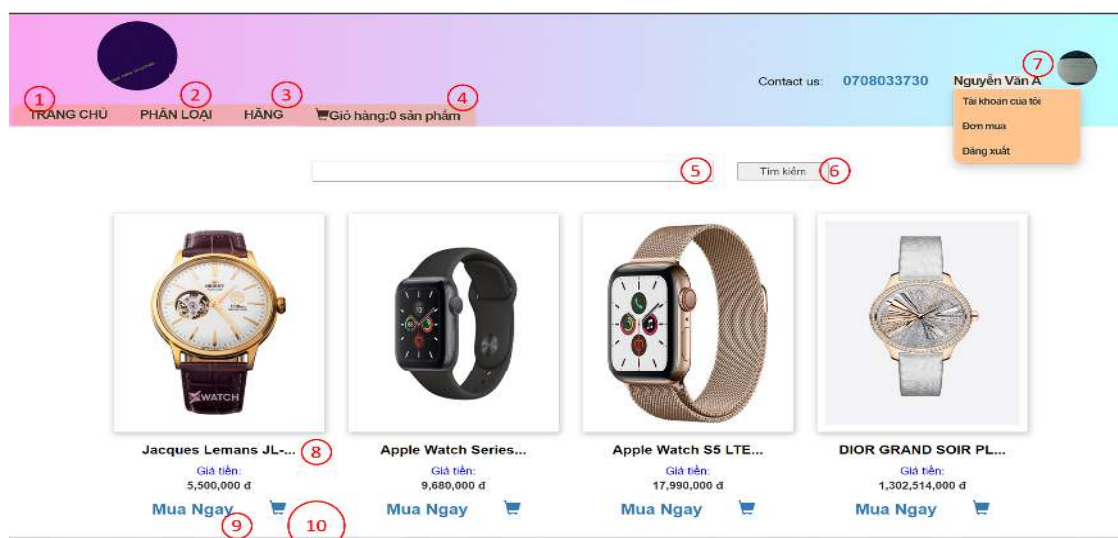
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 36. Bảng mô tả màn hình đăng ký

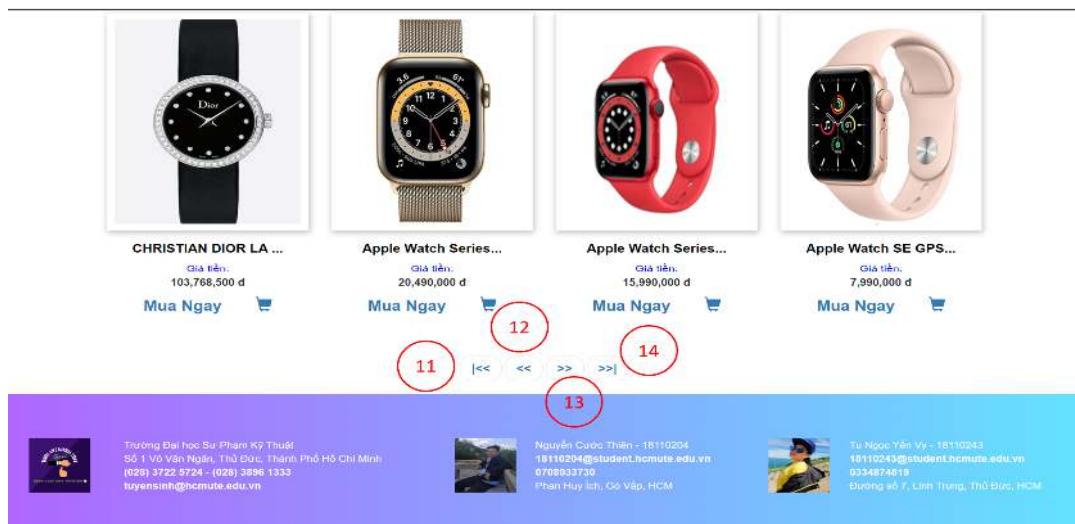
STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>:Text	Nhập tên đăng nhập của tài khoản muốn đăng ký
2	<input>:Password	Nhập mật khẩu của tài khoản muốn đăng ký
3	<input>:Password	Xác nhận lại mật khẩu đã nhập phía trên
4	<input>:Text	Nhập họ và tên để đăng ký tài khoản
5	<input>:Date	Nhập ngày sinh
6	<input>:Number	Nhập số điện thoại đăng ký tài khoản
7	<select>	Chọn Tỉnh/Thành phố đang sinh sống
8	<select>	Chọn Quận/Huyện đang sinh sống
9	<select>	Chọn Phường/Xã đang sinh sống
10	<input>:Text	Nhập địa chỉ nhà (Số nhà, Tên đường,...)
11	<input>:Text	Nhập Email để đăng ký bảo mật tài khoản
12	<a>	Đăng ký tài khoản bằng những thông tin đã nhập phía trên
13	<a>	Quay lại trang đăng nhập

2.3. Màn hình trang chủ (của người dùng) khi vừa đăng nhập xong

Ý nghĩa: Thực hiện việc xem hàng, mua hàng và các chức năng thuộc quyền hạn của mình.

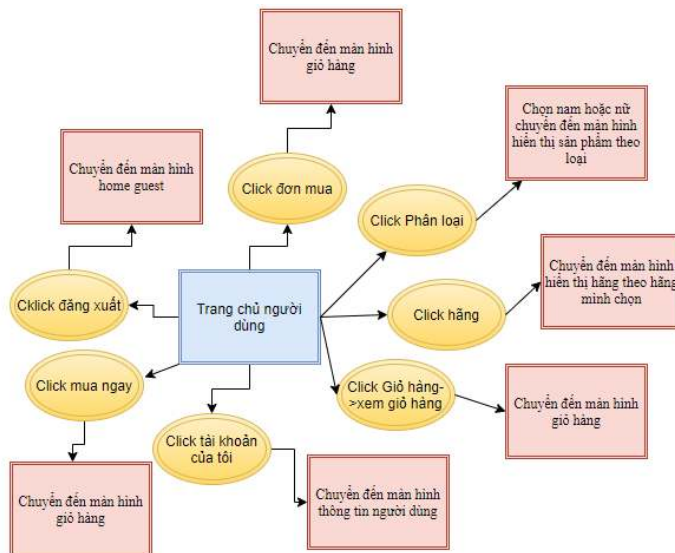


Hình 19.1. Màn hình trang chủ của người dùng



Hình 19.1. Màn hình trang chủ của người dùng

Sơ đồ biến cố:



Các đối tượng trong màn hình

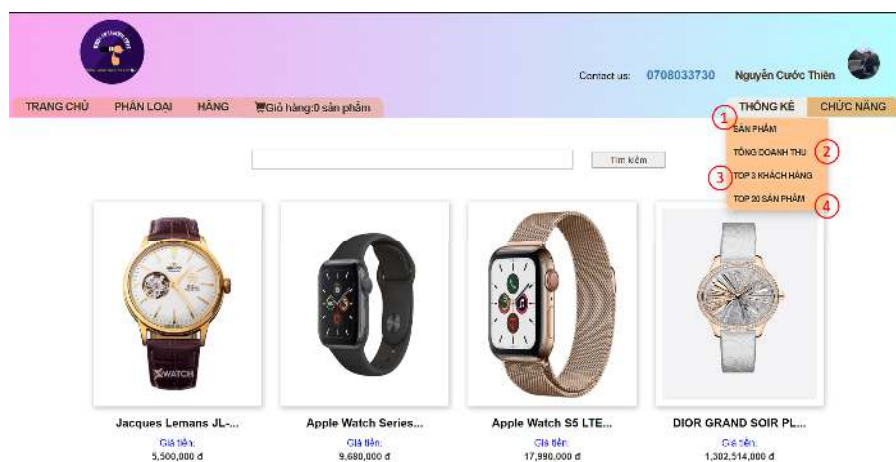
Bảng 37. Bảng mô tả màn hình trang chủ của người dùng

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Quay lại cửa sổ trang chủ
2	<a>	Xem sản phẩm theo loại đồng hồ nam hoặc nữ
3	<a>	Xem sản phẩm theo thương hiệu
4	<a>	Chuyển đến cửa sổ giỏ hàng để tiếp tục việc đặt hàng
5	<input>: Text	Nhập Tên của sản phẩm cần tìm kiếm để giới hạn số lượng hiển thị thuận lợi cho việc tìm kiếm
6	<button>	Tìm kiếm sản phẩm theo những gì đã nhập ở ô 5
7	 > 	Hiển thị các tùy chọn của tài khoản: Tài khoản của tôi: Chuyển đến trang thông tin cá nhân để kiểm tra và chỉnh sửa thông tin cá nhân. Đơn mua: chuyển đến trang Giỏ hàng để kiểm tra việc đặt hàng của cá nhân.

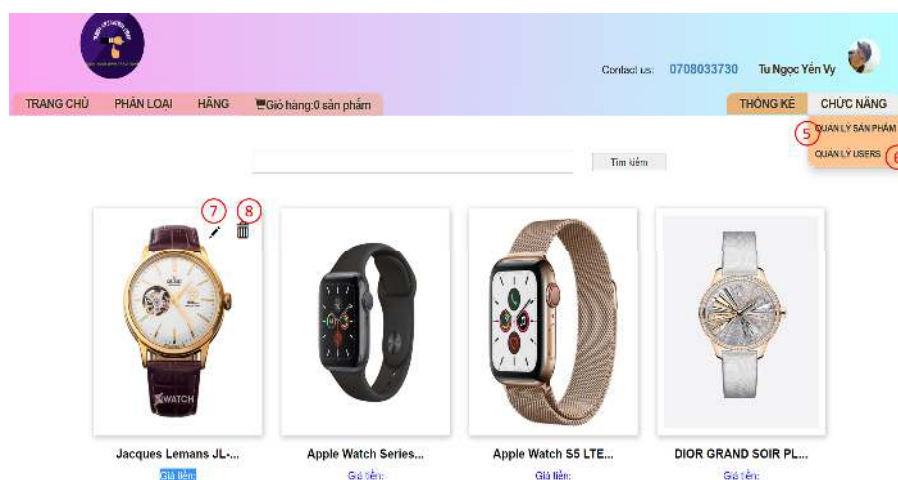
		Đăng xuất: Thoát phiên đăng nhập của tài khoản hiện tại.
8	<a>	Chuyển đến trang chi tiết sản phẩm để xem thông tin sản phẩm
9	<a>	Chuyển đến trang thanh toán sản phẩm để mua sản phẩm
10	<a>	Thêm vào giỏ hàng và tiếp tục việc mua hàng
11	<a>	Chuyển đến trang đầu tiên để xem sản phẩm
12	<a>	Chuyển đến trang kế trước trang hiện tại đang xem
13	<a>	Chuyển đến trang kế tiếp
14	<a>	Chuyển đến trang cuối cùng

2.4. Màn hình trang chủ (của quản trị viên):

Ý nghĩa: Thực hiện một số chức năng giống với người dùng (trừ chức năng mua sản phẩm). Ngoài ra còn thực hiện một số chức năng thuộc quyền hạn của quản trị viên.

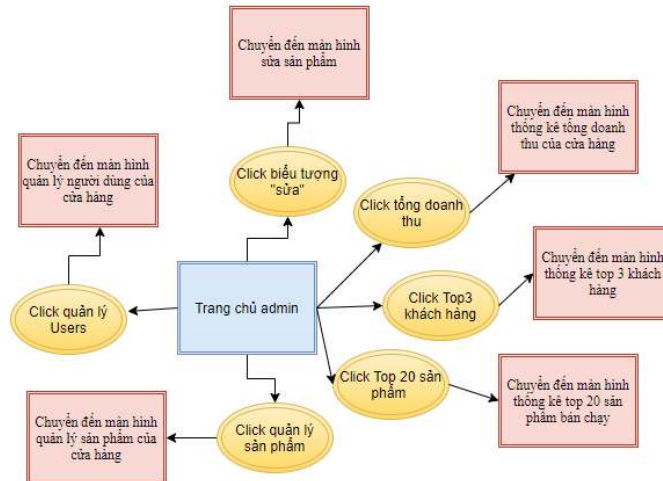


Hình 20.1. Màn hình trang chủ của quản trị viên



Hình 20.2. Màn hình trang chủ của quản trị viên

Sơ đồ biến cố



Các đối tượng trong màn hình

Bảng 38. Bảng mô tả màn hình trang chủ của quản trị viên

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Xem thống kê phần trăm số lượng sản phẩm của từng thương hiệu trên tổng sản phẩm mà cửa hàng đang có
2	<a>	Xem tổng doanh thu của cửa hàng.
3	<a>	Xem 3 khách hàng có số tiền mua sản phẩm của cửa hàng nhiều nhất
4	<a>	Xem thống kê 20 sản phẩm bán được số lượng nhiều nhất của cửa hàng
5	<a>	Chuyển đến cửa sổ quản lý tất cả các sản phẩm của cửa hàng bán.
6	<a>	Chuyển đến cửa sổ quản lý tất cả các Users của cửa hàng
7	<a>	Chuyển đến cửa sổ chỉnh sửa sản phẩm.
8	<a>	Xóa sản phẩm khỏi cửa hàng.

2.5. Màn hình xem và sửa thông tin của người dùng

Ý nghĩa: Cho phép người dùng vào xem và sửa thông tin của mình

Hồ sơ của tôi

Tên đăng nhập: vvvv

Tên: Tu Ngọc Yến Vy (2)

Email: watchstorethiemvy@gmail.com (3)

Số điện thoại: 0467895132 (4)

Địa chỉ: Số 7, Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.HCM (5)

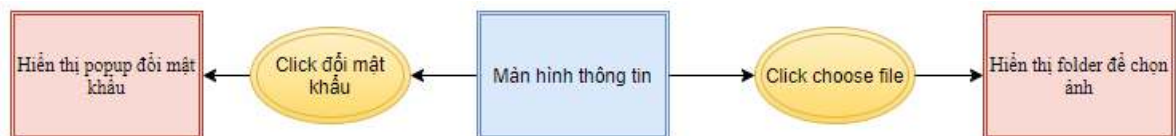
Ngày sinh: 22/09/2000 (6)

Choose file No file chosen (1)

Lưu (8) Đổi mật khẩu (8)

Hình 21. Màn hình xem thông tin người dùng

Sơ đồ biến cố



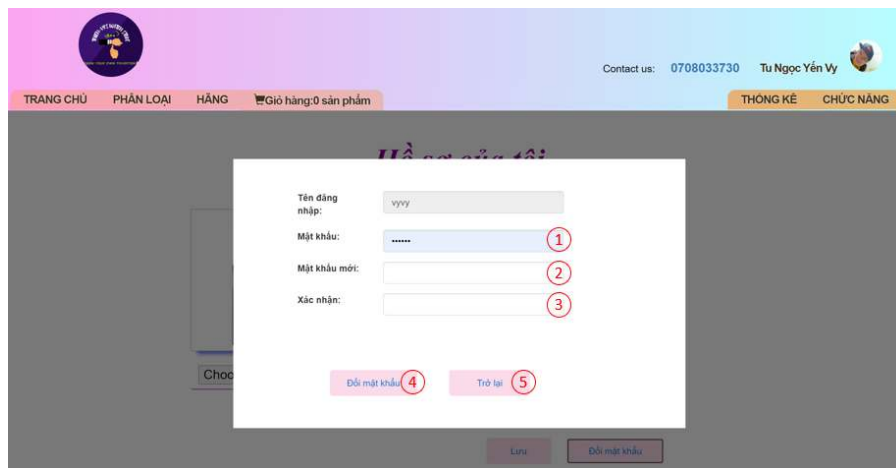
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 39. Bảng mô tả màn hình xem và sửa thông tin người dùng

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: file	Lấy hình từ link
2	<input>: text	Tên của người dùng
3	<input>: text	Email người dùng
4	<input>: text	Số điện thoại của người dùng
5	<input>: text	Địa chỉ của người dùng
6	<input>: date	Ngày sinh của người dùng
7	<button>	Bấm để lưu thông tin sau khi đã thay đổi các thông tin
8	<button>	Dùng cho người dùng muốn thay đổi mật khẩu, sau khi nhấn vào sẽ hiện popup để thay đổi mật khẩu

2.6. Màn hình sửa mật khẩu

Ý nghĩa: Cho phép người dùng sửa mật khẩu hiện tại



Hình 22. Màn hình sửa mật khẩu

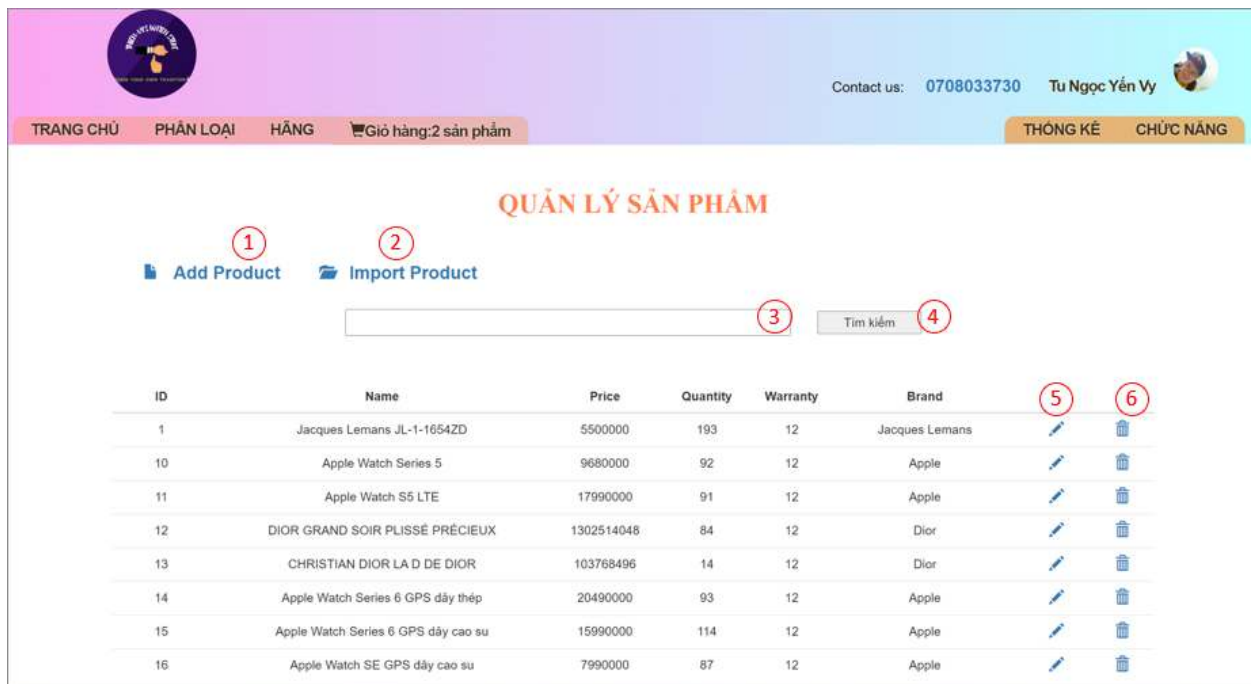
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 40. Bảng mô tả màn hình sửa mật khẩu

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: password	Password hiện tại của người dùng
2	<input>: password	Nhập Password muốn đổi
3	<input>: password	Nhập lại Password mới
4	<button>	Bấm để hoàn tất việc thay đổi mật khẩu
5	<button>	Trở lại màn hình xem thông tin nếu muốn hủy thao tác đổi mật khẩu

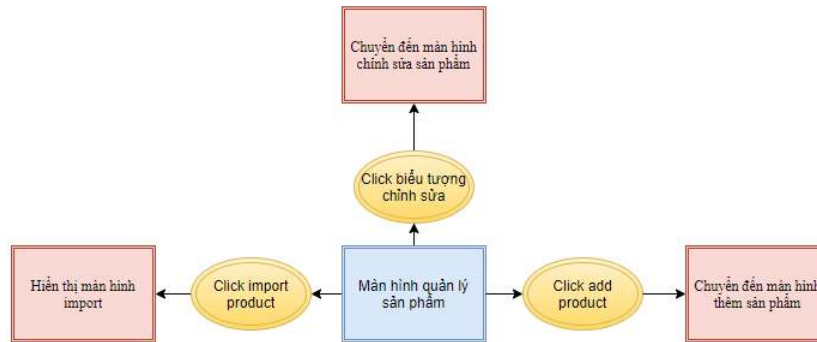
2.7. Màn hình quản lý sản phẩm (dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị viên quản lý các sản phẩm có trong cửa hàng của mình



Hình 23. Màn hình quản lý sản phẩm

Sơ đồ biến cố



Các đối tượng trong màn hình

Bảng 41. Bảng mô tả màn hình quản lý sản phẩm

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Thêm một sản phẩm bất kỳ vào cửa hàng
2	<a>	Thêm một danh sách các sản phẩm được lưu trong file excel
3	<input>: password	Nhập lại Password mới
4	<input>: Text	Nhập Tên hoặc id của sản phẩm cần tìm kiếm để giới hạn số lượng hiển thị thuận lợi cho chỉnh sửa
5	<button>	Tìm kiếm sản phẩm theo những gì đã nhập ở ô 4
6	<a>	Chuyển đến trang để chỉnh sửa sản phẩm
7	<a>	Nhấn để xóa sản phẩm đó

2.8. Màn hình thêm sản phẩm (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị viên thêm một sản phẩm bất kỳ

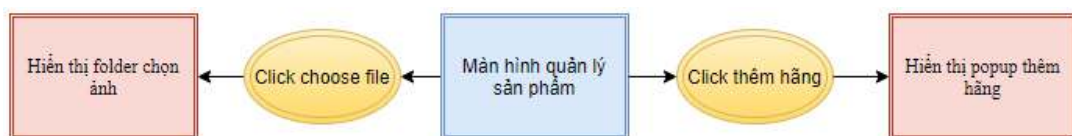
Hình 24.1. Màn hình thêm sản phẩm

The screenshot shows a web form for adding a product. It includes the following elements with numbered callouts:

- 9:** Input field for 'Giá tiền' (Price).
- 10:** Input field for 'Số lượng' (Quantity).
- 11:** Input field for 'Nước sản xuất' (Country of origin).
- 12:** CKEDITOR text area for 'Mô tả' (Description).
- 13:** A blue button labeled 'THÊM' (Add).

Hình 24.2. Màn hình thêm sản phẩm

Sơ đồ biên cố:



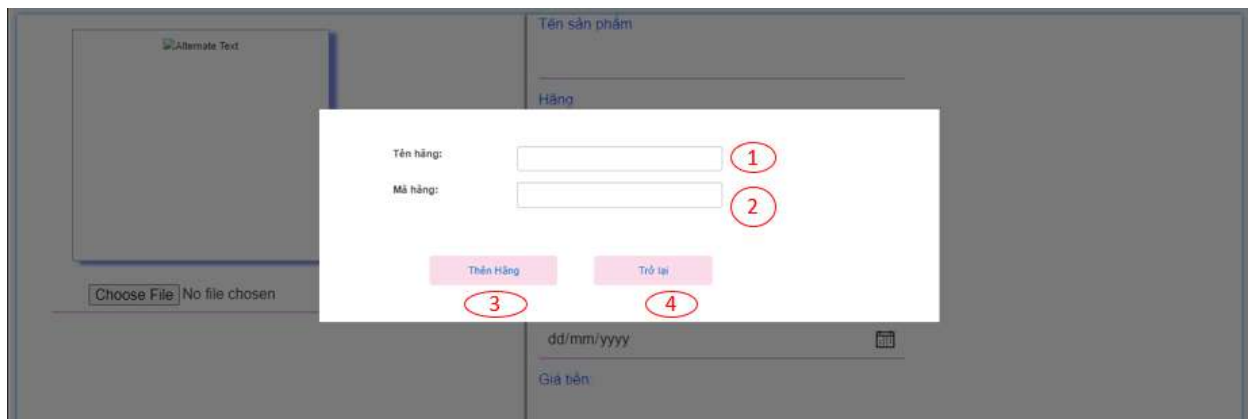
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 42. Bảng mô tả màn hình thêm sản phẩm

STT	Loại	Ý nghĩa
1		Hiện thị hình ảnh của sản phẩm
2	<input>: file	Để tải hình ảnh của sản phẩm theo link
3	<input>: Text	Nhập tên của sản phẩm
4	<select> <option>	Chọn các hãng có trong cửa hàng
5	<button>	Nhấn để hiện màn hình dừng cho khi muốn thương hiệu cho cửa hàng
6	<input>: number	Nhập thời gian bảo hành cho sản phẩm
7	<input>: date	Nhập thời gian sản xuất cho sản phẩm
8	<a>	Nhấn để xóa sản phẩm đó
9	<input>: number	Nhập giá tiền cho sản phẩm
10	<input>: number	Nhập số lượng cho sản phẩm
11	<input>: Text	Nhập nước sản xuất sản phẩm
12	CKEDITOR	Nhập mô tả cho sản phẩm
13	<button>	Nhấn để hoàn tất việc thêm sản phẩm

2.9. Màn hình thêm thương hiệu (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị viên muốn thêm thương hiệu cho cửa hàng



Hình 25. Màn hình thêm thương hiệu

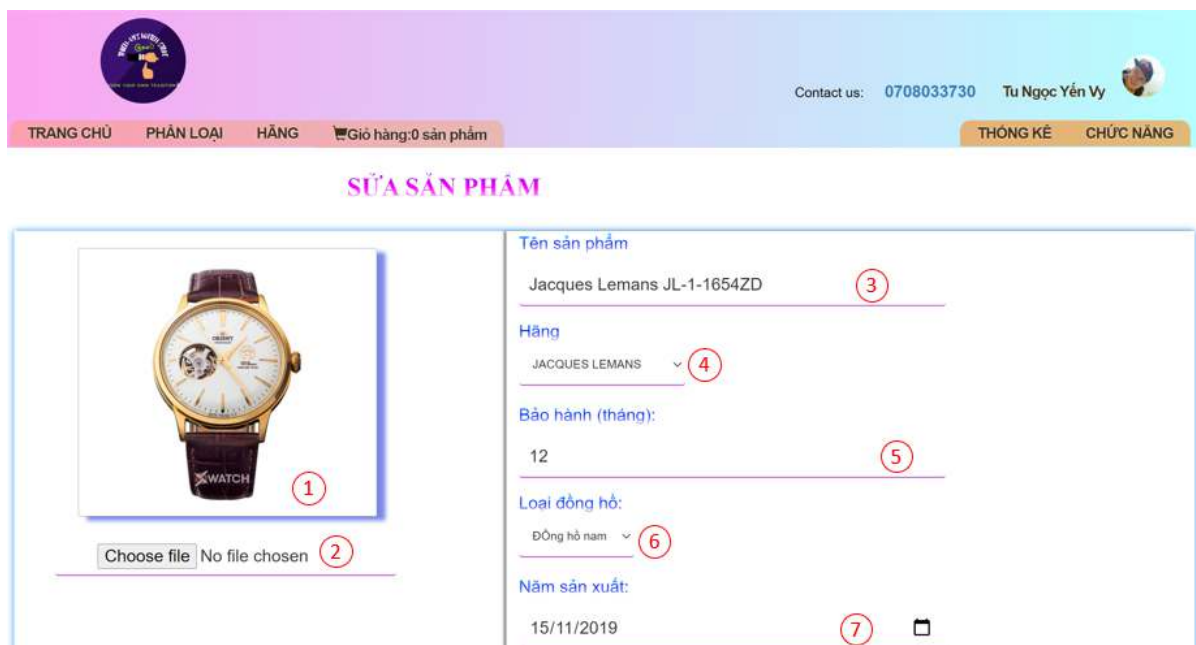
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 43. Bảng mô tả màn hình thêm thương hiệu

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: Text	Nhập tên thương hiệu
2	<input>: Text	Nhập mã thương hiệu
3	<button>	Nhấn để hoàn tất việc thêm thương hiệu
4	<button>	Nhấn để trở lại màn hình thêm sản phẩm nếu muốn hủy việc thêm thương hiệu

2.10. Màn hình chỉnh sửa sản phẩm (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị viên sửa một sản phẩm bất kỳ



Hình 26.1. Màn hình chỉnh sửa sản phẩm

Giá tiền: 5500000

Số lượng: 194

Nước sản xuất: Áo

Mô tả

Đường kính mặt 40 mm
Độ chịu nước 10 ATM
Chất liệu mặt Hardened crystex crystal (Kính cứng)
Năng lượng sử dụng Đồng hồ điện tử (Quartz/ Pin)

SỬA

Hình 26.2. Màn hình chỉnh sửa sản phẩm

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 44. Bảng mô tả màn hình chỉnh sửa

STT	Loại	Ý nghĩa
1		Hiện thị hình ảnh của sản phẩm
2	<input>: file	Để tải hình ảnh của sản phẩm theo link
3	<input>: Text	Nhập tên của sản phẩm
4	<select> <option>	Chọn các hãng có trong cửa hàng
5	<input>: number	Nhập thời gian bảo hành cho sản phẩm
6	<input>: date	Nhập thời gian sản xuất cho sản phẩm
7	<a>	Nhấn để xóa sản phẩm đó
8	<input>: number	Nhập giá tiền cho sản phẩm
9	<input>: number	Nhập số lượng cho sản phẩm
10	<input>: Text	Nhập nước sản xuất sản phẩm
11	CKEDITOR	Nhập mô tả cho sản phẩm
12	<button>	Nhấn để hoàn tất việc thêm sản phẩm

2.11. Màn hình thêm danh sách sản phẩm (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị viên sửa một sản phẩm bất kỳ

Import Excel File

No file chosen

Hình 27. Màn hình thêm danh sách sản phẩm


Các đối tượng trong màn hình

Bảng 45. Bảng mô tả màn hình thêm danh sách sản phẩm

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: file	Tải file exel theo link
2	<button>	Để hoàn tất việc thêm danh sách sản phẩm

2.12. Màn hình quản lý user (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép quản trị các người dùng có trong cửa hàng



Contact us: 0708033730

Tu Ngọc Yến Vy

TRANG CHỦ

PHÂN LOẠI

HÃNG

Giỏ hàng: 0 sản phẩm

THÔNG KÊ

CHỨC NĂNG

1

Người dùng

2

Admin

QUẢN LÝ USERS

UserName	Name	BirthDay	Phone	Address	Email	3
cuochien2	Nguyễn Cuộc Thiên	12/12/1212	12	12, Tân Văn, Bình Giả, Lạng Sơn	changtraikomvuon@yahoo.com.vn	Xóa
huutuong	Nguyễn Hữu Tường	07/04/2000	0978456135	Đào Trình Nhất, Quận Thủ Đức, TP.HCM	huutuong@gmail.com	Xóa
massu	Đặng Hoài Thư	08/01/2000	0989249785	Quang Trung, Quận 9, TP.HCM	massu@gmail.com	Xóa
nhuquynh	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28/11/2000	0351234895	Quang Trung, Quận 9, TP.HCM	nhuquynh@gmail.com	Xóa



Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật

Số 1, Võ Văn Ngân, Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh

(028) 3722 5724 - (028) 3896 1333

tuyensinh@hcmute.edu.vn



Nguyễn Cuộc Thiên - 18110204

18110204@student.hcmute.edu.vn

0708033730

Phan Huy Ích, Gò Vấp, HCM



Tu Ngọc Yến Vy - 18110243

18110243@student.hcmute.edu.vn

0334874819

Đường số 7, Linh Trung, Thủ Đức, HCM

Hình 28. Màn hình quản lý users

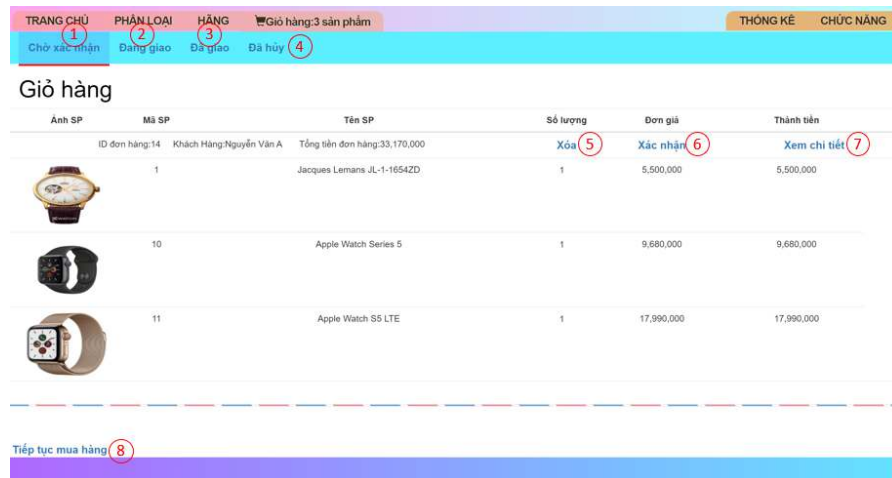
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 46. Bảng mô tả màn hình quản lý users

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem các người dùng trong khách hàng
2	<a>	Nhấn để xem các quản trị viên của cửa hàng
3	<a>	Nhấn để xóa người dùng ra khỏi cửa hàng

2.13. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép người quản trị xem các đơn hàng đang chờ xác nhận



Hình 29. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(admin)

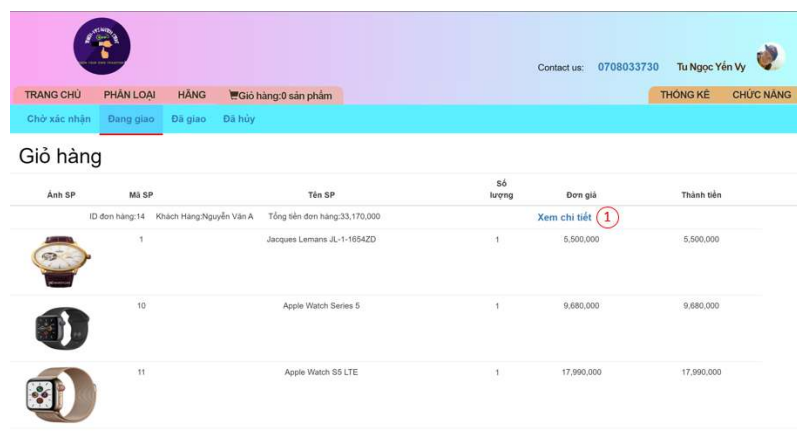
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 47. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(admin)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đang chờ xác nhận
2	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đang giao
3	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đã giao
4	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đã hủy
5	<a>	Nhấn để xóa đơn hàng đó
6	<a>	Nhấn để xác nhận đơn hàng
7	<a>	Nhấn để xem chi tiết của đơn hàng
8	<a>	Nhấn để trở lại trang chủ

2.14. Màn hình xem đơn hàng đang giao (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép người quản trị xem các đơn hàng đang được giao cho khách hàng



Hình 30. Màn hình xem đơn hàng đang giao(admin)

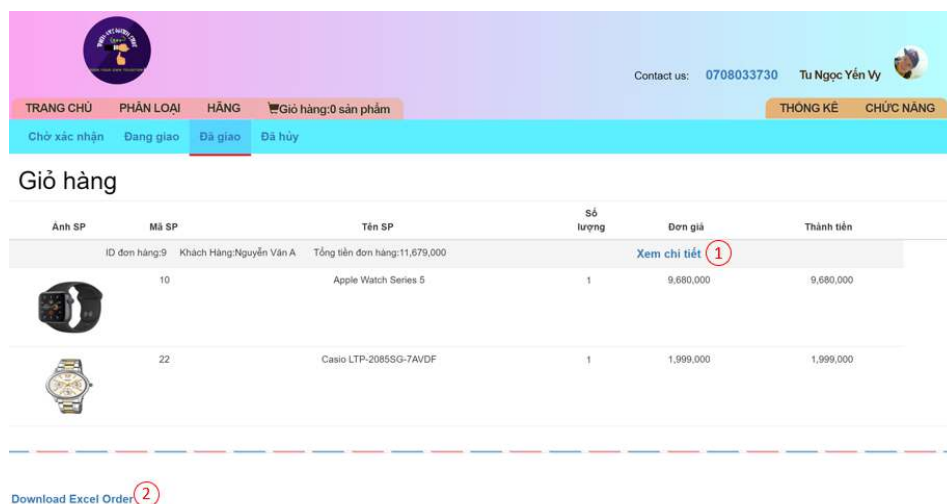
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 48. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang giao(admin)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng

2.15. Màn hình xem đơn hàng đã giao (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép người quản trị xem các đơn hàng đã được giao cho khách hàng



Hình 31. Màn hình xem đơn hàng đã giao(admin)

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 49. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã giao(admin)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng
2	<a>	Nhấn để tải file excel thống kê số lượng sản phẩm mà cửa hàng đã bán được

2.16. Màn hình xem đơn hàng đã hủy (Dành cho quản trị viên)

Ý nghĩa: Cho phép người quản trị xem các đơn hàng đã bị hủy bởi người quản trị và người mua



Hình 32. Màn hình xem đơn hàng đã hủy(admin)

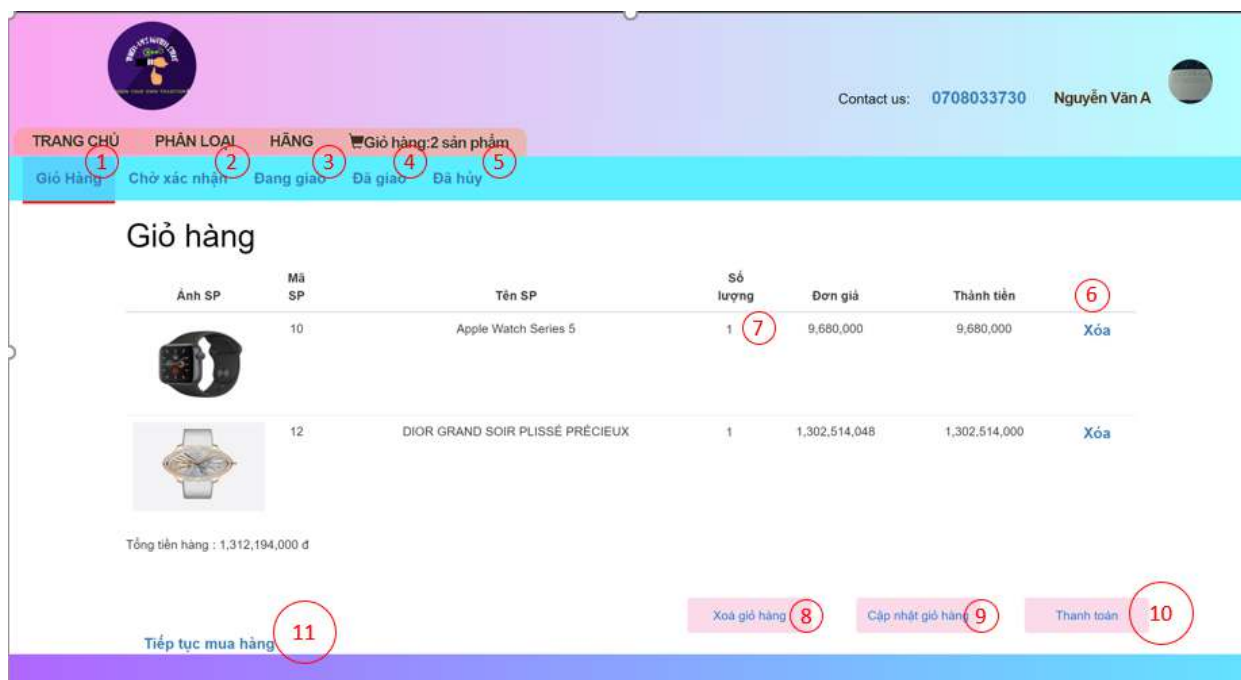
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 50. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã hủy(admin)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng

2.17. Màn hình xem giỏ hàng (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng xem các sản phẩm trong giỏ hàng



Hình 33. Màn hình xem giỏ hàng(user)

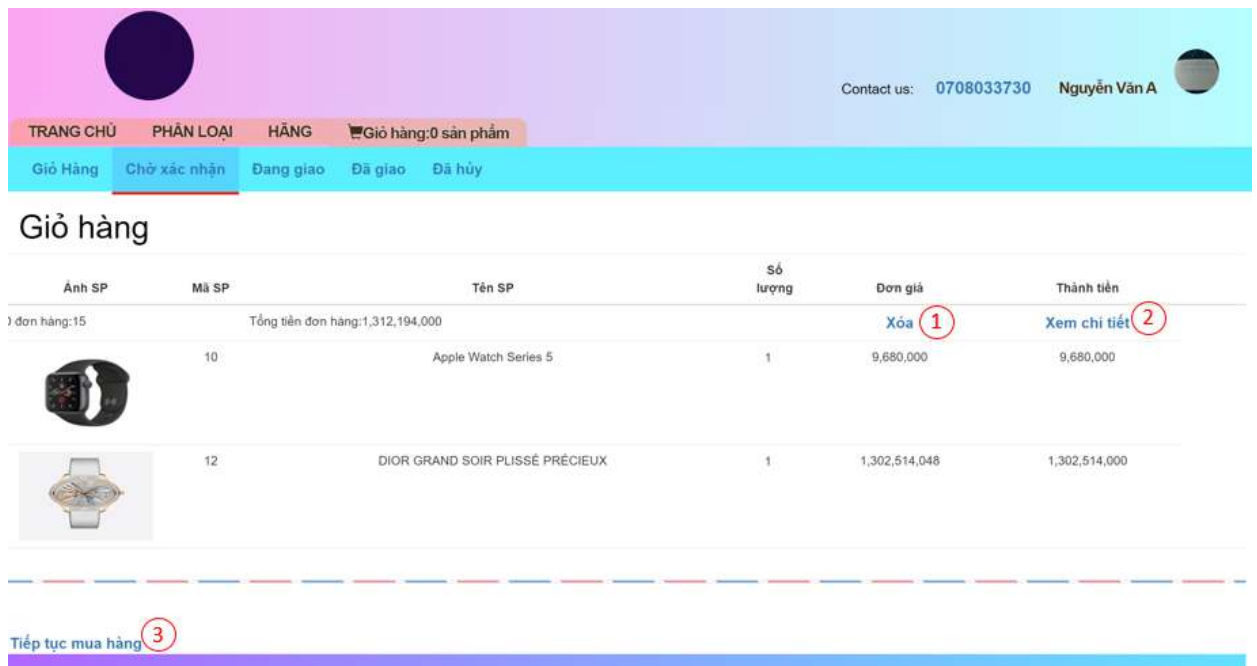
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 51. Bảng mô tả màn hình xem xem giỏ hàng(user)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem giỏ hàng
2	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đang chờ xác nhận
3	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đang giao
4	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đã giao
5	<a>	Nhấn để xem đơn hàng ở trạng thái đã hủy
6	<a>	Nhấn để xóa sản phẩm đó khỏi giỏ hàng
7	<a>	Nhấn để thay đổi số lượng mua sản phẩm
8	<button>	Xóa toàn bộ sản phẩm trong giỏ hàng
9	<button>	Cập nhật giỏ hàng
10	<button>	Tiến hành vào trang thanh toán

2.18. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng xem các đơn hàng đang chờ xác nhận



Hình 34. Màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(user)

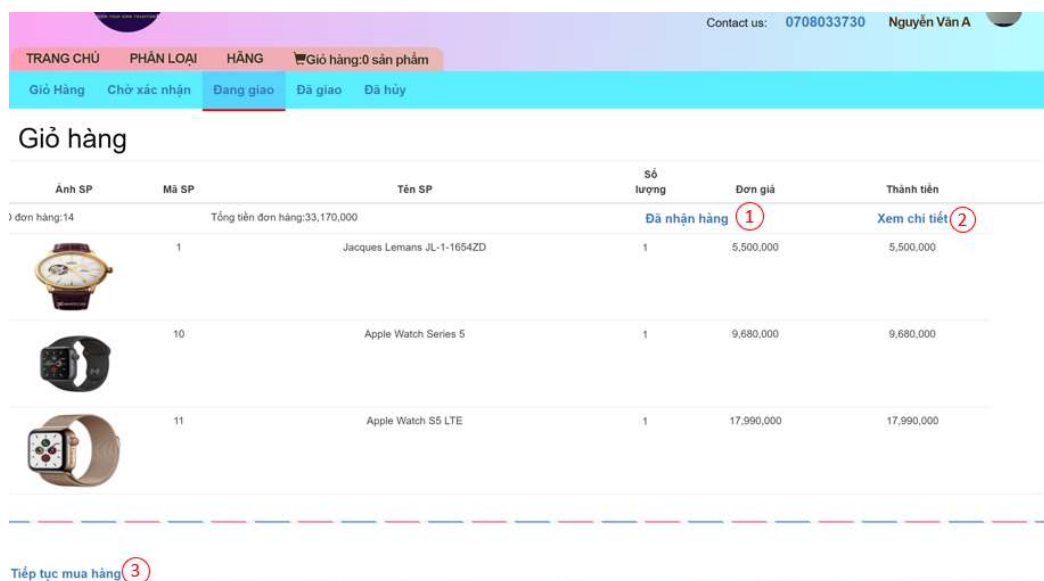
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 52. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang chờ xác nhận(user)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xóa đơn hàng nào (hủy đơn)
2	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng
3	<a>	Nhấn để trở lại trang chủ

2.19. Màn hình xem đơn hàng đang giao (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng xem các đơn hàng đang giao



Hình 35. Màn hình xem đơn hàng đang giao(user)

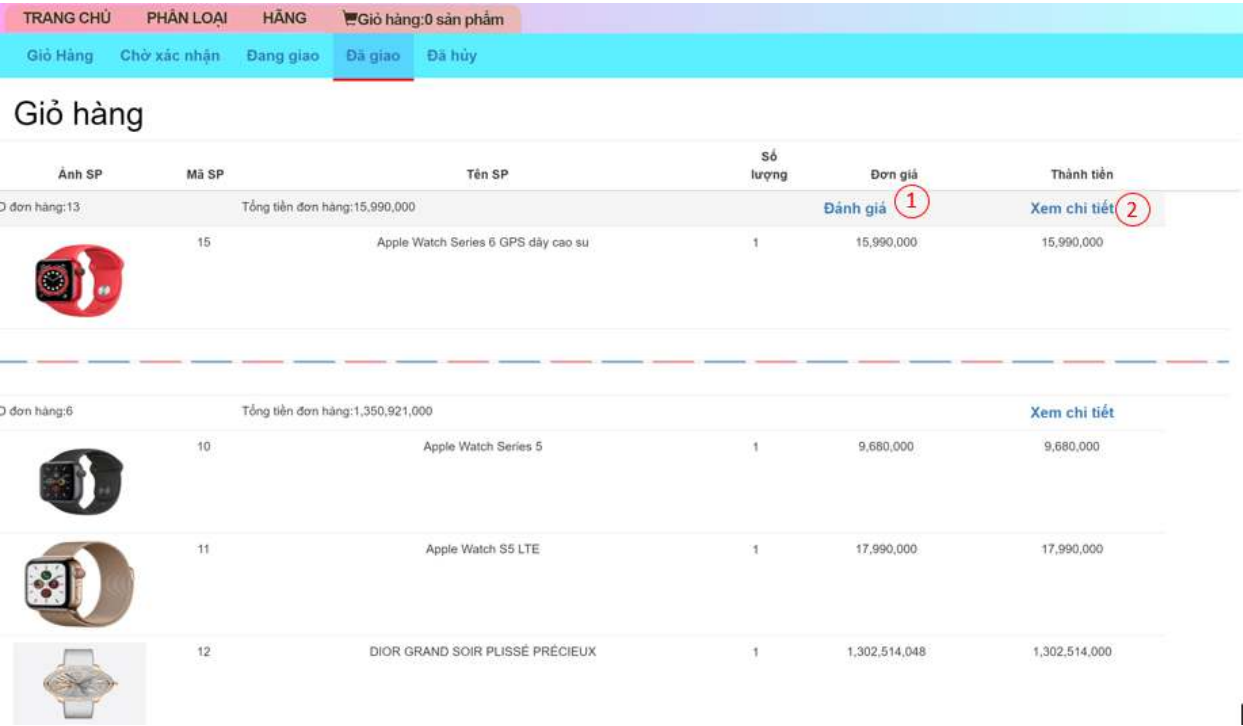
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 53. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đang giao(user)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xác nhận việc đã đặt hàng
2	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng
3	<a>	Nhấn để quay trở lại trang chủ

2.20. Màn hình xem đơn hàng đã giao (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng xem các đơn hàng mà mình đã nhận được



Hình 36. Màn hình xem đơn hàng đã giao(user)

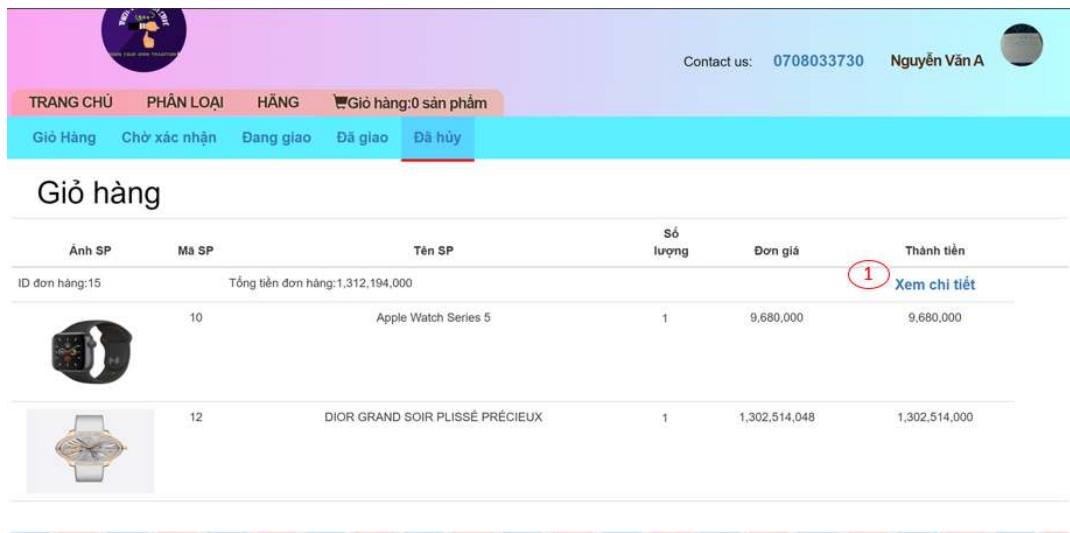
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 54. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã giao(user)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để đánh giá đơn hàng (chỉ được đánh giá một lần)
2	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng

2.21. Màn hình xem đơn hàng đã hủy (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người quản trị xem các đơn hàng đã bị hủy bởi người quản trị và người mua



Hình 37. Màn hình xem đơn hàng đã hủy(user)

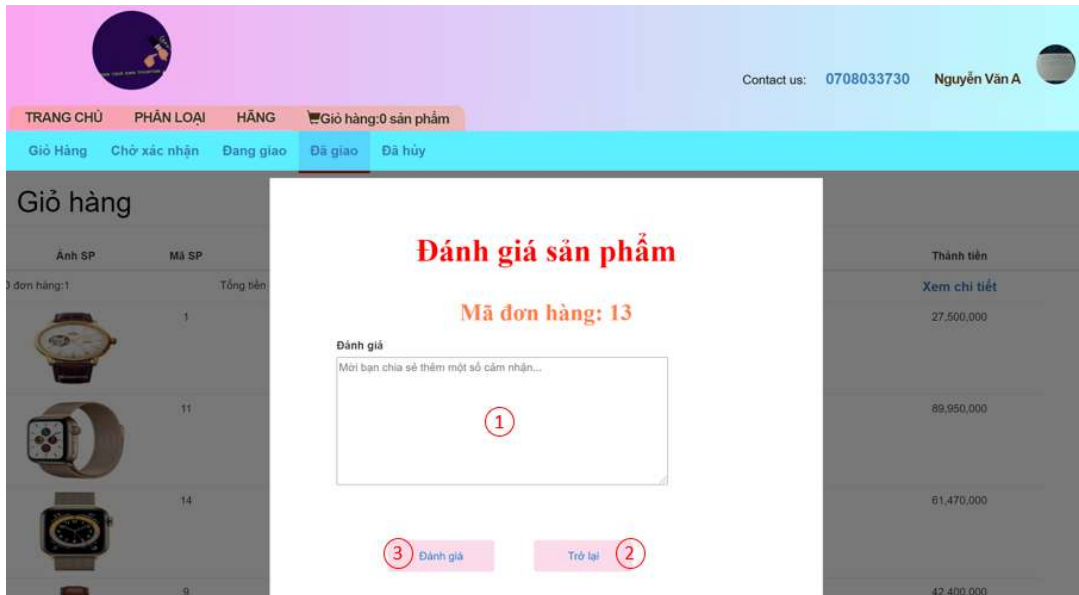
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 55. Bảng mô tả màn hình xem đơn hàng đã hủy(user)

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Nhấn để xem chi tiết đơn hàng

2.22. Màn hình đánh giá đơn hàng (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng đánh giá các đơn hàng mình đã mua



Hình 38. Màn hình đánh giá sản phẩm

Các đối tượng trong màn hình

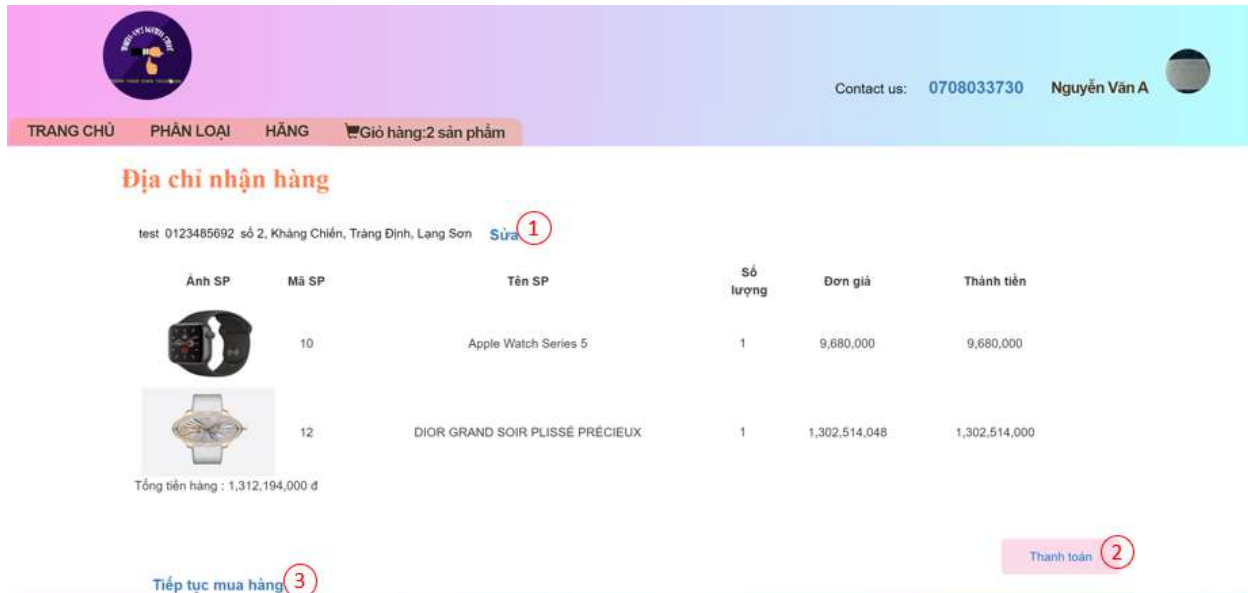
Bảng 56. Bảng mô tả màn hình đánh giá sản phẩm

STT	Loại	Ý nghĩa
1	textarea	Viết đánh giá

2	<button>	Nhấn để quay lại giỏ hàng nếu muốn hủy việc đánh giá
3	<button>	Nhấn để gửi đánh giá đi

2.23. Màn hình thanh toán sản phẩm (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Người dùng tiến hành thanh toán để mua hàng



Hình 39. Màn hình thanh toán

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 57. Bảng mô tả màn hình thanh toán

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	để sửa chi tiết nhận hàng của đơn hàng
2	<button>	Nhấn để hoàn tất việc thanh toán
3	<a>	Để hủy việc thanh toán quay trở lại trang chủ

2.24. Màn hình chỉnh sửa địa chỉ nhận hàng (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng chỉnh sửa địa chỉ nhận hàng khi thanh toán



Hình 40. Màn hình sửa địa chỉ nhận hàng

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 58. Bảng mô tả màn hình sửa địa chỉ nhận hàng

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<radio button>	Tích chọn địa chỉ muốn giao hàng
2	<button>	Nhấn chuyển đến trang thêm địa chỉ
3	<button>	Nhấn để xóa địa chỉ
4	<button>	Nhấn để hoàn tất việc đổi địa chỉ
5	<button>	Nhấn để hủy thao tác đổi địa chỉ

2.25. Màn hình thêm địa chỉ nhận hàng (Dành cho người dùng)

Ý nghĩa: Cho phép người dùng thêm địa chỉ nhận hàng khi thanh toán

Hình 41. Màn hình thêm địa chỉ nhận hàng

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 59. Bảng mô tả màn hình thêm địa chỉ nhận hàng

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: Text	Nhập họ tên người nhận hàng
2	<input>: Text	Nhập số điện thoại người nhận hàng
3	<select> <option>	Chọn tỉnh/thành phố
4	<select> <option>	Chọn quận/huyện
5	<select> <option>	Chọn xã/phường
6	<input>: Text	Nhập tên đường số nhà...
7	<button>	Nhấn để hoàn thành việc thêm địa chỉ
8	<button>	Nhấn để quay lại trang thanh toán hủy thao tác thêm địa chỉ

2.26. Màn hình xem chi tiết sản phẩm

Ý nghĩa: Cho phép người dùng hoặc quản trị viên xem chi tiết sản phẩm bất kỳ



Hình 42. Màn hình xem chi tiết sản phẩm

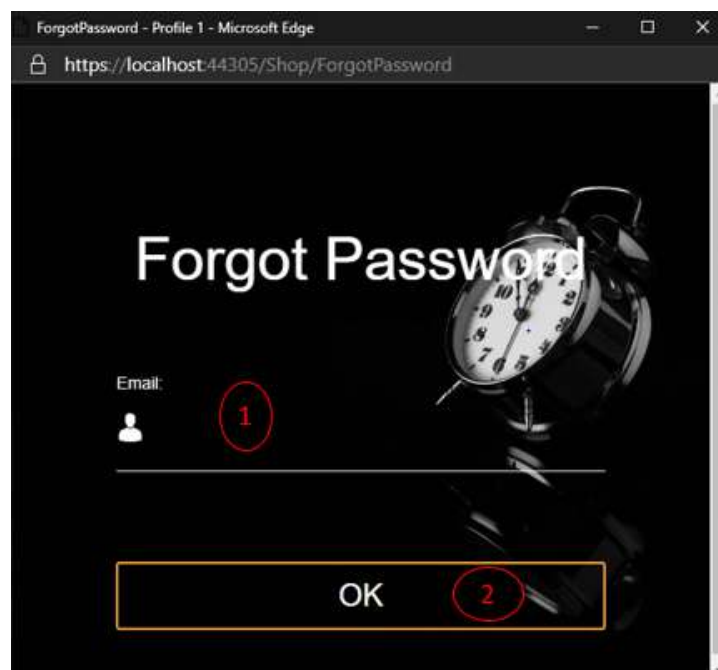
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 60. Bảng mô tả màn hình xem chi tiết sản phẩm

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<a>	Khi nhấn sẽ chuyển người dùng vào trang giỏ hàng và tiến hành thanh toán
2	<a>	Chỉ thêm sản phẩm vào giỏ hàng và người dùng vẫn ở trnag chi tiết sản phẩm

2.27. Màn hình quên mật khẩu

Ý nghĩa: Cho phép người dùng lấy lại mật khẩu khi quên mật khẩu bằng gmail



Hình 43. Màn hình quên mật khẩu

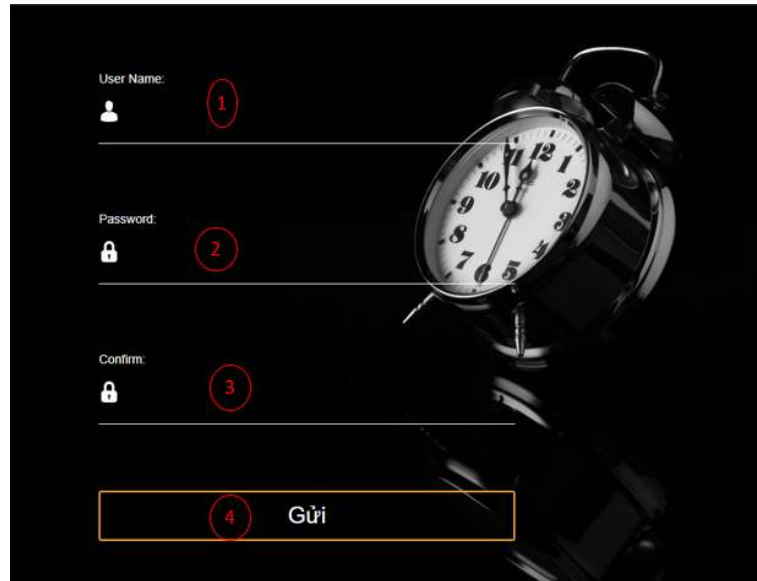
Các đối tượng trong màn hình

Bảng 61. Bảng mô tả màn hình quên mật khẩu

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: Text	Nhập email mà người dùng đã đăng ký khi đăng ký tài khoản
2	<button>	Nhấn để gửi yêu cầu cấp lại mật khẩu

2.28. Màn hình đổi mật khẩu

Ý nghĩa: Cho phép người dùng lấy lại mật khẩu khi quên mật khẩu bằng gmail



Hình 44. Màn hình đổi mật khẩu

Các đối tượng trong màn hình

Bảng 62. Bảng mô tả màn hình đổi mật khẩu

STT	Loại	Ý nghĩa
1	<input>: Text	Nhập username của người dùng
2	<input>: password	Nhập mật khẩu mới
3	<input>: password	Nhập lại mật khẩu mới
4	<button>	Nhấn để hoàn tất việc đổi mật khẩu mới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Tham khảo giao diện trang shopee
- [2]. https://www.w3schools.com/css/default.asp?fbclid=IwAR1Y84nE7J665VIUYfSXDO_-iPrpipXoCaL1Lrr75q6lzOxUtGTc_gh0KH0
- [3]. <https://luxshopping.vn/>
- [4]. <https://www.youtube.com/c/MyskillsVn/featured>